

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3941 2626 Fax: (024) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Tầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 22210 288 Fax: (024) 22210 388

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, quận 1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3914 3588 Fax: (028) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà 109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 6262 6999 Fax: (024) 6278 2688

Tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN 1: LỜI NÓI ĐẦU	1
PHẦN 2: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	4
1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	4
1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.....	4
1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	5
2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	6
2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	6
2.2. Tổ chức phát hành.....	6
2.3. Tổ chức tư vấn	6
3. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT	7
4. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI	8
PHẦN 3: TÌNH HÌNH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA..	10
1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	10
1.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	10
1.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh	10
1.3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	12
1.4. Quá trình hình thành và phát triển	16
1.5. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	18
1.6. Các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.....	21
1.7. Thông tin các nhà máy điện đang vận hành.....	28
1.8. Bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp.....	32
1.9. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần.....	34
2. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA VÀ GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP.....	35
2.1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015	35
2.2. Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp	40
2.3. Một số vấn đề cần lưu ý liên quan đến giá trị doanh nghiệp để CPH.....	40
3. TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	40
3.1. Thực trạng về tài sản cố định.....	41
3.2. Đất đai Tổng công ty đang quản lý và sử dụng	42
4. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	58

4.1.	Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power hợp nhất trước cổ phần hóa.....	58
4.2.	Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - PV Power trước cổ phần hóa.....	72
4.3.	Đánh giá các nhân tố thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm gần nhất.....	80
4.4.	Vị thế của PV Power so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	81

PHẦN 4: PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA PV POWER SAU CỔ PHẦN HÓA 88

1.	GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	88
1.1.	Thông tin cơ bản	88
1.2.	Ngành nghề kinh doanh	88
1.3.	Mô hình tổ chức sau khi cổ phần hóa	90
2.	VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	94
2.1.	Vốn điều lệ.....	94
2.2.	Cơ cấu vốn điều lệ	95
2.3.	Phương án tăng vốn điều lệ.....	95
3.	KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	96
3.1.	Chiến lược phát triển.....	96
3.2.	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	97
3.3.	Hoạt động đầu tư phát triển 03 năm sau cổ phần hóa	102
3.4.	Kế hoạch thoái vốn của PV Power 03 năm sau cổ phần hóa	103
3.5.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, mục tiêu và giải pháp thực hiện.....	104

PHẦN 5: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 108

1.	CÁC RỦI RO DỰ KIẾN	108
1.1.	Rủi ro về kinh tế.....	108
1.2.	Rủi ro đặc thù.....	109
1.3.	Rủi ro về chi phí vốn.....	111
1.4.	Rủi ro thanh khoản.....	111
1.5.	Rủi ro pháp lý.....	111
1.6.	Rủi ro của đợt phát hành	111
1.7.	Rủi ro khác.....	112
2.	PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	112
2.1.	Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.....	112
2.2.	Chào bán cổ phần cho người lao động.....	114
2.3.	Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược	118

3.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	120
4.	LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	122
5.	CÁC BÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	122
5.1.	Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.....	122
5.2.	Đại diện Tổ chức phát hành	122
5.3.	Đại diện Tổ chức tư vấn.....	122
PHẦN 6: KẾT LUẬN		123

PHẦN 1: LỜI NÓI ĐẦU

Bản công bố thông tin này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc bán đấu giá cổ phần lần đầu theo hình thức đấu giá công khai, là một nội dung của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power).

Với tư cách là Tổ chức công bố thông tin và Tổ chức phát hành cổ phần theo Bản công bố thông tin này, PV Power đề nghị các nhà đầu tư dựa vào các thông tin được trình bày trong (i) Bản công bố thông tin này, (ii) mẫu Đơn đăng ký đấu giá cổ phần và (iii) Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện đấu giá ban hành để đưa ra quyết định đầu tư của mình. PV Power chưa ủy quyền cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin được trình bày trong Bản công bố thông tin này. Các nhà đầu tư không nên dựa vào bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không được trình bày trong các tài liệu liệt kê trên đây. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư có nghi ngờ về bất kỳ nội dung hay thông tin nào được trình bày trong Bản công bố thông tin này, các nhà đầu tư nên hỏi ý kiến của PV Power cũng như của các tổ chức tư vấn độc lập.

PV Power hiện thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước và đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo hình thức bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần được thành lập sau khi cổ phần hóa sẽ kế thừa các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam hiện nay theo quy định của pháp luật. Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần sẽ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ công ty, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Việc phát hành cổ phần theo hình thức đấu giá theo Bản công bố thông tin này là một phần của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, góp phần hình thành Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần. Các nhà đầu tư mua cổ phần theo Bản công bố thông tin này sẽ trở thành cổ đông của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và quy định của pháp luật.

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

1. Thông tin liên quan đến việc bán đầu giá cổ phần lần đầu

Tên tổ chức phát hành:	CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PV Power)
Trụ sở chính:	Tầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Tổng số lượng cổ phần đầu giá công khai	468.374.320 cổ phần
Loại cổ phần chào bán	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng
Giá khởi điểm:	14.400 đồng
Phương thức phát hành	Đầu giá công khai
Vốn điều lệ dự kiến	23.418.716.000.000 đồng

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	1.194.354.516	11.943.545.160.000	51,000
2	Bán cho CBCNV	2.757.400	27.574.000.000	0,118
2.1	Bán bớt phần vốn của Nhà nước cho CBCNV theo giá ưu đãi	1.005.100	10.051.000.000	0,043
2.2	Bán bớt phần vốn của Nhà nước cho CBCNV theo cam kết sử dụng lao động lâu dài	1.752.300	17.523.000.000	0,075
3	Bán đầu giá công khai (IPO)	468.374.320	4.683.743.200.000	20,000
4	Bán cho CĐCL	676.385.364	6.763.853.640.000	28,882
	Tổng cộng	2.341.871.600	23.418.716.000.000	100

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

- **Phương thức đầu giá:** Đầu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

- **Đối tượng tham gia:** Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- **Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin đấu giá:** Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Bản công bố thông tin còn được chuyển tải trên website: www.hnx.vn, www.vcsc.com.vn, <http://www.pvpower.vn>, <http://psi.com.vn> và website của các đại lý đấu giá;
- **Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá:** Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- **Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và nhận phiếu đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- **Quy định về nộp tiền đặt cọc:** Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- **Thời gian các đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- **Địa điểm tổ chức đấu giá:**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 39412626; (024) 39360750 Fax: (024) 39347818

- **Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua được cổ phần:** Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

PHẦN 2: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8;
- Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật doanh nghiệp;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/nđ-cp ngày 20 tháng 7 năm 2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định 63/2015/NĐ-CP về chính sách đối với người lao động dôi dư khi

sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được ban hành ngày 22/10/2015;

- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư 115/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 196/2011/TT-BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/5/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đính chính Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020;
- Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 06/09/2017 về việc phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2017.

1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030;
- Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành điện giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;
- Quyết định 46/QĐ-TTg năm 2013 phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Quyết định 1011/QĐ-TTg năm 2015 điều chỉnh Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Quyết định số 1759/QĐ-DKVN ngày 28/7/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc cổ phần hóa Tổng công ty Điện lực Dầu khí;

- Quyết định số 976/QĐ-DKVN ngày 17/5/2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt Kế hoạch Tài cơ cấu PV Power giai đoạn 2016-2020;
- Nghị quyết số 4437/NQ-DKVN ngày 13/07/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa đưa vào Phương án cổ phần hóa của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Quyết định số 1364/QĐ-BCT ngày 20/4/2017 của Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) để cổ phần hóa;
- Công văn số 1182/TTg-ĐMDN ngày 11/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc: phê duyệt danh mục doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2017-2020;
- Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 8/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên tiếng Anh : HANOI STOCK EXCHANGE
Trụ sở : Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (024) 3941 2626
Fax : (024) 3934 7818
Website : www.hnx.vn

2.2. Tổ chức phát hành

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tên tiếng Anh : PETROVIETNAM POWER CORPORATION
Tên viết tắt : PV Power
Trụ sở : Tầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (024) 22210 288
Fax : (024) 22210 388
Website : www.pvpower.vn

2.3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở : Tầng 15, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 3914 3588
Fax : (028) 3914 3209
Website : www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 6, Tòa nhà 109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (024) 6262 6999
Fax : (024) 6278 2688

3. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

PV Power : Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
Tổng công ty : Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
TCT : Tổng công ty
TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
MTV : Một thành viên
GTDN : Giá trị doanh nghiệp
CBCNV : Cán bộ công nhân viên
CMNV : Chuyên môn nghiệp vụ
NMNĐ : Nhà máy nhiệt điện
NMĐ : Nhà máy điện
NSNN : Ngân sách nhà nước
QL : Quản lý
QLDA : Quản lý dự án
QLDN : Quản lý doanh nghiệp
SXKD : Sản xuất kinh doanh
TBK : Tuabin khí
TLBQ : Tiền lương bình quân
TNHH MTV : Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
ĐTXD : Đầu tư xây dựng
ĐLDK : Điện lực dầu khí
UBND : Ủy ban nhân dân
CTCP : Công ty cổ phần
CP : Cổ phần

CPH	: Cổ phần hóa
BCĐ	: Ban chỉ đạo
CĐCL	: Cổ đông chiến lược
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CNQSDĐ	: Chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất
VAS	: Chuẩn mực kế toán Việt Nam
VCSC	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
HĐSXKD	: Hoạt động sản xuất kinh doanh
QSDĐ	: Quyền sử dụng đất
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
NĐ	: Nhiệt điện
TĐ	: Thủy điện
XDCB	: Xây dựng cơ bản
KHCN	: Khoa học công nghệ
NĐT	: Nhà đầu tư

4. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI

Bản công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch, ý định, sự tin tưởng, dự kiến và các dự đoán của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về tương lai, đặc biệt trong Phần “Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của PV Power sau cổ phần hóa”. Về bản chất, các tuyên bố có tính chất tương lai đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn chính xác trong tương lai.

Ngoài những nội dung khác, các tuyên bố có tính chất tương lai trình bày trong Bản công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- Mô hình tổ chức hoạt động sau cổ phần hóa;
- Cơ cấu vốn điều lệ;
- Kế hoạch chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa;

Ngoài ra, các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu và chiến lược, bộ máy quản lý điều hành, định hướng kinh doanh sau cổ phần hóa; sự hợp tác, quan hệ của PV Power với nhà đầu tư chiến lược và khả năng của nhà đầu tư chiến lược trong việc hỗ trợ PV Power phát triển hoạt động kinh doanh, thực hiện các cải cách về quản trị doanh nghiệp; kế hoạch và giải pháp thực hiện của PV Power cũng là các tuyên bố có tính chất tương lai. Trong một số trường hợp,

PV Power sử dụng các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự định”, “có thể”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên”, “có thể sẽ” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai.

Mặc dù PV Power tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng PV Power không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chắc chắn xảy ra.

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với Công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, PV Power không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin.

PHẦN 3: TÌNH HÌNH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

Tên tiếng Việt	: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	: PETROVIETNAM POWER CORPORATION
Tên giao dịch	: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tên viết tắt	: PV Power
Trụ sở chính	: Tầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại	: (024) 22210 288
Fax	: (024) 22210 388
Email	: truyenthong@pvpower.vn
Website	: www.pvpower.vn
Logo	: 

Giấy CNĐKKD : 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 10 năm 2016

Người đại diện theo pháp luật : Nguyễn Xuân Hòa

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 27/10/2016 : 21.774.301.577.676 đồng (Bằng chữ: Hai mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi tư tỷ, ba trăm linh một triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng)

1.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của PV Power bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, cụ thể:
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
 - Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện;

- Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có cả đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng;
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;
- Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện;
- Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng;
- Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch;
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:
 - Bán buôn than các loại;
 - Xuất khẩu, năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện.
- Lắp đặt hệ thống điện: lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác:
 - Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP);
 - Xuất khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính: Đầu tư, cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác:
 - Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng;
 - Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử;
- Hoạt động tư vấn quản lý: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại: Xuất khẩu các mặt hàng Tổng công ty kinh doanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác: kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo;

- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Tổng công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Tính đến thời điểm hiện tại, PV Power hoạt động trong các mảng kinh doanh bao gồm: sản xuất và kinh doanh điện; nhập khẩu, kinh doanh và phân phối than; sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng đồng thời cung cấp vật tư, thiết bị thay thế cho các NMD. Tuy nhiên, phần lớn doanh thu vẫn đến từ mảng sản xuất và kinh doanh điện, các mảng kinh doanh còn lại mang tính chất hỗ trợ cho hoạt động chính của Tổng công ty, có tỷ trọng doanh thu thấp so với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện.

1.3.1. Sản xuất và kinh doanh điện

- **Về sản xuất điện:**

Trọng tâm phát triển của PV Power là các nhà máy điện khí. Tính đến nay, PV Power đã đầu tư và đưa vào vận hành 4 dự án điện khí là Cà Mau 1 & 2, Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 với tổng công suất lên đến 2.700 MW. Các nhà máy điện này được đặt tại các tỉnh miền Nam, địa bàn có nhu cầu điện rất lớn và thường xuyên trong tình trạng thiếu điện, do đó đã phần nào đảm bảo nguồn điện cho khu vực. Ngoài các dự án điện khí, PV Power cũng thực hiện đầu tư vào một số dự án thủy điện như Hòa Na tại tỉnh Nghệ An với công suất lắp đặt 180 MW, đã được đưa vào vận hành trong năm 2013, thủy điện ĐakĐrinh tại Quảng Ngãi với công suất lắp đặt 125 MW, thủy điện Nậm Cắt tại Bắc Kạn với công suất 3,2 MW. PV Power cũng từng đầu tư vào 1 dự án điện gió là dự án điện gió Phú Quý tại Bình Thuận với công suất 6 MW nhưng sau đó đã bàn giao lại cho EVN¹. Cuối năm 2015, PV Power nhận bàn giao nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng 1 từ PVN và chính thức ghi nhận doanh thu mảng điện than trong năm 2016.

Với chiến lược phát triển dựa vào các nhà máy nhiệt điện, trong thời gian tới PV Power sẽ thoái vốn khỏi các nhà máy thủy điện Hòa Na, ĐakĐrinh và Bắc Kạn tập trung phát triển các dự án điện khí mới.

Công suất lắp đặt

Tính đến 31/03/2017, tổng công suất lắp đặt của các nhà máy thuộc PV Power đạt 4.208,2 MW, cụ thể:

¹ Thực hiện phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 145/TTg-KTN ngày 27/01/2014, PV Power đã hoàn thành việc bàn giao các tài sản liên quan đến vận hành nhà máy Phong điện Phú Quý cho Tổng công ty Điện lực Miền Nam (công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Biên bản chuyển giao Nhà máy Phong điện Phú Quý từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 21/12/2015.

Bảng 1: Các nhà máy điện của PV Power

TT	Tên nhà máy	Công suất lắp đặt (MW)	Vận hành	Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh
1	Nhiệt điện Cà Mau 1	750	03/2008	Không tham gia
2	Nhiệt điện Cà Mau 2	750	12/2008	Không tham gia
3	Nhiệt điện Nhơn Trạch 1	450	Tổ máy GT11: 05/2008 Tổ máy GT12: 07/2008 Tổ máy ST18: 04/2009 Chu trình hỗn hợp: 08/2009	01/07/2012
4	Nhiệt điện Nhơn Trạch 2	750	Tổ máy GT11: 21/2/2011 Tổ máy GT12: 07/3/2011 Chu trình hỗn hợp: 16/10/2011	01/07/2012
5	Thủy điện Nậm Cắt	3,2	2013	Không tham gia
6	Thủy điện Hòa Na	180	2013	2013
7	Thủy điện ĐakĐrinh	125	2014	2015
8	Nhiệt điện Vũng Áng 1	1.200	2015	2016
	Tổng cộng	4.208,2		

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

Sản lượng điện:

- Trong giai đoạn từ 2013-2016, tổng sản lượng điện của PV Power 70,89 tỷ kWh.
- Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện trong giai đoạn này đạt trên 9%/năm.

Bảng 2: Sản lượng điện sản xuất năm 2013-2016

Đơn vị: triệu kWh

STT	Nhà máy	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Cà Mau 1&2	8.052	7.446	7.900	8.127
2	Nhơn Trạch 1	2.774	2.789	3.314	3.562
3	Nhơn Trạch 2	4.670	4.764	5.350	5.222
4	Nậm Cắt	9	16	15	15
5	Hòa Na	643	690	450	558
6	ĐakĐrinh	-	354	525	464

STT	Nhà máy	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
7	Vũng Áng 1				3.184

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

Ghi chú: sản lượng điện không bao gồm sản lượng điện thử nghiệm, vận hành thuê.

▪ **Việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh**

Thị trường phát điện cạnh tranh bắt đầu chính thức vận hành từ tháng 7/2012. PV Power có 2 nhà máy điện (Nhơn Trạch 1&2) tham gia thị trường ngay từ những ngày đầu vận hành. Sau đó, các nhà máy khác cũng tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh là Thủy điện Hòa Na (2013), Thủy điện ĐakĐrinh (2015) và Nhiệt điện Vũng Áng 1 (2016). Sau hơn 5 năm tham gia thị trường, PV Power nói chung và các nhà máy điện thuộc PV Power nói riêng đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, đạt được các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đề ra, luôn có lợi nhuận khi tham gia thị trường (*ngoại trừ cho giai đoạn đại tu NMD Nhơn Trạch 1 do không có công suất để bù đắp chi phí cố định trong thời gian dừng máy*).

Để tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, PV Power phải luôn nỗ lực tìm ra các phương án chào giá, phương án vận hành theo tiêu chí tối ưu hóa lợi nhuận nhưng vẫn phải đảm bảo các công tác liên quan tới kỹ thuật, hạn chế tối đa ảnh hưởng lên các tổ máy do thay đổi công suất (*đối với nhà máy nhiệt điện khí*) và sử dụng tối ưu nguồn năng lượng sơ cấp có hạn (*đối với các nhà máy thủy điện*). Qua đó, việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đã góp phần không nhỏ vào nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power.

1.3.2. Dịch vụ kỹ thuật điện

Cùng với công tác sản xuất điện năng, việc phát triển dịch vụ kỹ thuật điện là một trong những mục tiêu quan trọng trong kế hoạch kinh doanh của PV Power. Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services - PVPS) được thành lập theo định hướng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và PV Power nhằm từng bước làm chủ khoa học công nghệ, vận hành hiệu quả các thiết bị máy móc hiện đại, từng bước thay thế nhà thầu nước ngoài và chủ động đảm đương thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên, bảo trì, trung/đại tu...cho các nhà máy điện tại PV Power.

PV Power Services đã thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện của PV Power với mục tiêu phát huy nội lực và từng bước nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề; chủ động trong công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà

máy điện, xây dựng lộ trình giảm thiểu chi phí bảo dưỡng nhà thầu phụ OEM, đảm bảo hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí ở mức tối đa. Đến nay, đã thực hiện thành công công tác trung tu/đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1, trung tu Nhà máy điện Cà Mau 2, trung tu/đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, trung tu mở rộng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (hoàn thành vượt tiến độ), trung tu Nhà máy điện Hủ Na. Thành công của công tác trung tu/đại tu đánh dấu một mốc quan trọng trong sự phát triển dịch vụ kỹ thuật điện, chứng minh năng lực cán bộ của PV Power Services đáp ứng yêu cầu sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện và sẵn sàng tiếp nhận thêm công việc dần dần thay thế chuyên gia, giảm chi phí thực hiện công việc.

Doanh thu từ dịch vụ kỹ thuật điện ước khoảng 7.700 tỷ đồng, chiếm 5% doanh thu toàn Tổng công ty (cho giai đoạn 2011-2016). Tuy nhiên, phần lớn doanh thu vẫn do các nhà thầu phụ (các nhà sản xuất thiết bị gốc) cung cấp do giá trị hợp đồng chủ yếu vẫn nằm ở phần trang thiết bị cần thay thế. Trong giai đoạn 2012 – 2015, doanh thu phần việc do PV Power Services trực tiếp thực hiện ước đạt 725 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 15% tổng doanh thu của PV Power Services. Năm 2016, doanh thu của PV Power Services đạt 1.257 tỷ đồng.

Mục tiêu gia tăng tỷ lệ nội địa hóa dịch vụ kỹ thuật điện của PV Power còn gặp khó khăn do công tác đàm phán với nhà thầu phụ về việc chuyển đổi hình thức hợp đồng, đồng thời công tác đào tạo chuyên sâu cũng gặp khó khăn do nhà chế tạo thiết bị gốc được lắp đặt chỉ tổ chức đào tạo cho nhân sự của họ mà không tổ chức cho khách hàng và hơn nữa là các trang thiết bị đều có hàm lượng công nghệ cao, không dễ dàng để chế tạo tại Việt Nam.

1.3.3. Dịch vụ cung ứng than

Thực hiện nội dung Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/01/2013, theo đó PV Power đã thành lập đơn vị cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Chi nhánh PV Power - Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí (PV Power Coal) được thành lập tại Quyết định số 86/QĐ/HĐTV-ĐLĐK ngày 19/03/2013 của Hội đồng thành viên PV Power trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng vốn, tài sản, nhân sự và kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ các hợp đồng của Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí - Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. PV Power Coal có nhiệm vụ xuyên suốt là đảm bảo nguồn than (trong nước, nhập khẩu) ổn định phục vụ vận hành cho các nhà máy điện than thuộc PVN và PV Power.

Đến hết năm 2015, PV Power Coal đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ:

- Hoàn thành việc nghiên cứu xây dựng Đề án nhập khẩu than;
- Đề xuất các cơ chế, quy chế quản lý để chuẩn bị cho công tác cung cấp than nhập khẩu cho các dự án nhiệt điện của PVN và PV Power;
- Tìm kiếm nguồn than từ Úc, Indonesia, Nga... và ký kết các Hợp đồng khung về mua bán than dài hạn (COFA/MOU) cho các dự án điện.
- Đàm phán Hợp đồng mua bán than với Vinacomin cấp than cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; Triển khai các công tác tiếp nhận than an toàn hiệu quả với khối lượng giao nhận cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 gần 2 triệu tấn than; Thực hiện công tác giám sát giao nhận than cho nhà máy; Đàm phán Hợp đồng cấp than cho giai đoạn vận hành thương mại Nhà máy Vũng Áng 1.
- Đã chủ trì đàm phán và đạt được thỏa thuận với Vinacomin về vấn đề nguồn than cung cấp cho Nhà máy điện Thái Bình 2 để làm cơ sở công tác chuẩn bị đầu tư (thiết kế), chạy thử và 05 năm tiếp theo của giai đoạn vận hành thương mại; Tham gia góp ý với Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 trong công tác khảo sát và nghiên cứu phương án vận hành cho Nhà máy điện.

1.4. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 10 năm 2016.

Các dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam như sau:

- Ngày 17/05/2007: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 1468/QĐ-DKVN về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Tháng 12/2007: Tổng công ty ra mắt 5 đơn vị thành viên mới, bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Dự án PMC1, PMC2, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực

Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land).

- Tháng 03/2008: Khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na.
- Tháng 12/2008: Ký kết hợp đồng mua bán điện Nhà máy Cà Mau 1&2, Nhà máy Nhơn Trạch 1 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
- Tháng 06/2009: Khởi công xây dựng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 – nhà máy điện khí có quy mô lớn tại Trung tâm điện lực Nhơn Trạch.
- Tháng 08/2009: Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.
- Tháng 11/2010: Khởi công xây dựng Nhà máy Phong điện Phú Quý, dự án năng lượng tái tạo đầu tiên của Tổng công ty.
- Tháng 12/2010: Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hòa lưới điện quốc gia.
- Tháng 01/2011: Khởi công Dự án Nhà máy Thủy điện ĐakĐrinh. Tháng 11/2011 tổ chức khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương lao động Hạng Ba.
- Tháng 4/2013: thực hiện thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Điện lực Dầu khí (PV Power Coal) trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Chi nhánh – Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí từ Tập đoàn.
- Tháng 09/2013: Khánh thành và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.
- Năm 2014: Vận hành Thương mại Nhà máy Thủy điện ĐakĐrinh.
- Tháng 11/2014: thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (PV Power Hà Tĩnh) để tiếp nhận và vận hành an toàn Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 từ Tập đoàn, đồng thời thực hiện giải thể Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1.
- Tháng 12/2015: Hoàn thành bàn giao Nhà máy Phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam (công ty con của EVN).
- Tháng 12/2015: Hoàn thành việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power RE) vào Công ty mẹ với thời điểm sáp nhập là 0h00' ngày 29/12/2015.
- Tháng 12/2015: Nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, là nhà máy Nhiệt điện Than đầu tiên của Việt Nam được vận hành với tổng công suất 1.200 MW từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tháng 12/2017: Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1977/QĐ-TTg về việc phê duyệt

Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

1.5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Theo Quyết định 2092/QĐ-DKVN ngày 05/07/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của PV Power, Quyết định số 2015/QĐ-DKVN ngày 19/08/2008, Quyết định số 1991/QĐ-DKVN ngày 13/07/2011, Quyết định số 1993/QĐ-DKVN ngày 02/10/2012 và Quyết định số 895/QĐ-DKVN ngày 04/4/2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, PV Power là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được tổ chức và hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - công ty con phù hợp với quy định của pháp luật.

Hiện tại, Tổng công ty có cơ cấu như sau:

- Hội đồng thành viên TCT;
- Ban tổng giám đốc TCT;
- Kiểm soát viên TCT;
- Các Ban chuyên môn cơ quan Tổng công ty (gồm Văn Phòng và 09 Ban chuyên môn);
- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc (05 chi nhánh): Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau, Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh và Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí; Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí;
- Các Công ty con (06 Công ty con);
- Các Công ty liên kết & đầu tư tài chính dài hạn (11 Công ty).

Trong năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện thành lập thêm Ban Pháp chế & Quan hệ công chúng với mục tiêu tập trung và chuyên sâu trong lĩnh vực pháp chế cũng như công tác quan hệ công chúng, phát triển thương hiệu của Tổng công ty.

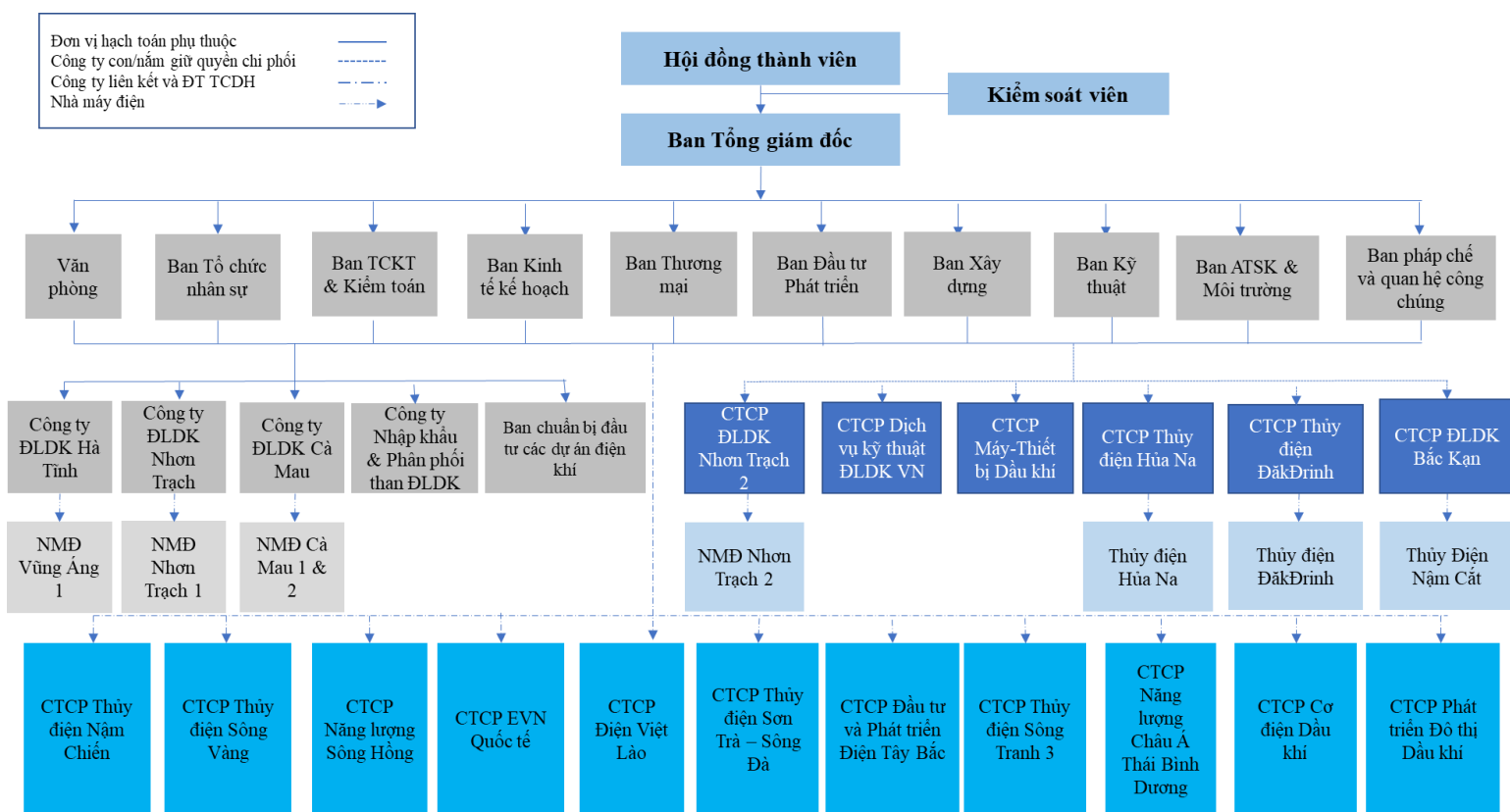
Đồng thời, trong tháng 4/2016, Tổng công ty cũng đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí miền Nam (PVFCCo-SBD), giảm số lượng đầu tư vào các Công ty liên kết & đầu tư tài chính dài hạn của Tổng công ty từ 12 công ty xuống còn 11 công ty.

Ngoài ra, Tổng công ty cũng đã hoàn thành các thủ tục liên quan để thành lập Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí (trên cơ sở Nghị

quyết số 40/NQ-DKVN ngày 9/1/2017 của HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) trong Quý 1/2017.

Mô hình tổ chức hiện tại của Tổng công ty được nêu chi tiết tại sơ đồ sau:

Hình 1: Mô hình tổ chức quản lý và kinh doanh trước CPH



Nguồn: PV Power

Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Tổng công ty

Các Ban chức năng Công ty mẹ - Tổng công ty đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc Tổng công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ - Tổng công ty được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

▪ Văn phòng:

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác hành chính – quản trị; thư ký – tổng hợp; văn thư – lưu trữ; quản lý công tác an ninh, quốc phòng, bảo mật của cơ quan Tổng công ty.

▪ **Ban Tổ chức nhân sự:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác tổ chức, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; công tác cán bộ; thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng; lao động, tiền lương và chế độ chính sách; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; công tác thi đua khen thưởng; công tác an sinh xã hội.

▪ **Ban tài chính Kế toán và Kiểm toán:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác tài chính, kế toán và kiểm toán của toàn Tổng công ty.

▪ **Ban Kinh tế - Kế hoạch:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác kế hoạch, thống kê; công tác lập tổng dự toán cho các kỳ sửa chữa định kỳ của các Nhà máy điện; công tác đấu thầu thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng các dự án do Tổng công ty làm chủ đầu tư/chủ quản đầu tư; các hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu đầu vào (khí, dầu, than), tiêu thụ tro xỉ; theo dõi tổng hợp, đánh giá báo cáo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

▪ **Ban Thương mại:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác thương mại (không bao gồm lĩnh vực cung cấp nhiên liệu, tiêu thụ tro xỉ), thị trường, xuất nhập khẩu, phát triển dịch vụ của Tổng công ty.

▪ **Ban Đầu tư phát triển:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác đầu tư, đánh giá giám sát đầu tư phát triển; công tác thoái vốn tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty.

▪ **Ban Xây dựng:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác quản lý hoạt động xây dựng của Tổng công ty.

▪ **Ban Kỹ thuật:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện; kỹ thuật công nghệ các dự án; nghiên cứu khoa học – công nghệ, thiết bị và công nghệ thông tin của Tổng công ty.

▪ **Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác an toàn, sức khỏe, môi trường trong toàn Tổng công ty; công tác bảo vệ nội bộ tại các Nhà máy điện và dự án đầu tư của Tổng công ty.

▪ **Ban Pháp chế và quan hệ công chúng:**

Tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Tổng công ty về công tác pháp chế; quan hệ công chúng (PR) - phát triển thương hiệu - văn hóa doanh nghiệp; công tác đối ngoại và quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

1.6. Các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn

1.6.1. Các đơn vị trực thuộc

Bảng 3: Danh sách các đơn vị trực thuộc của PV Power

STT	Đơn vị trực thuộc	Ngày thành lập	Ngành nghề	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	04/09/2008	Sản xuất kinh doanh điện năng	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
2	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	11/9/2008	Sản xuất kinh doanh điện năng	Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	14/11/2015	Sản xuất kinh doanh điện năng	Xóm Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
4	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Nhập khẩu và phân phối Than Điện lực Dầu khí	18/4/2013	Thu xếp, cung ứng, giao nhận than cho các NMĐ	Tầng 2, tòa nhà HL Tower, lô A2B, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

5	Chi nhánh – Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí	06/02/2017	Chuẩn bị đầu tư dự án điện khí	Tầng 14, tòa nhà Viện dầu khí, phường Trung Kính, quận Cầu Giấy, Hà Nội
---	--	------------	--------------------------------	---

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

1.6.2. Các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Hiện nay, PV Power có 06 công ty con, 03 công ty liên kết và góp vốn đầu tư tài chính dài hạn khác vào 08 công ty.

Tính đến 31/12/2016, tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của PV Power đạt 5.735.543 triệu đồng (chưa trừ khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư).

PV Power chủ yếu góp vốn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện (chiếm 95%), 5% vốn đầu tư còn lại cho các đơn vị tư vấn, kỹ thuật điện và một số lĩnh vực khác.

Bảng 4: Chi tiết các khoản đầu tư vốn của PV Power tại thời điểm 31/12/2016

STT	Loại hình doanh nghiệp	Số lượng đơn vị	Giá trị đầu tư (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Công ty con	6	4.906.023	85,54%
2	Công ty liên kết	3	392.311	6,84%
3	Công ty đầu tư tài chính dài hạn	8	437.209	7,62%
	Tổng cộng	17	5.735.543	100%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

Các đơn vị thành viên sản xuất điện do PV Power giữ cổ phần chi phối đều giữ được nhịp độ sản xuất kinh doanh và hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đề ra. Hầu hết các đơn vị sản xuất điện đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện. Trong năm 2016, Lợi nhuận được chia từ các công ty con là 575,34 tỷ đồng, đạt 11,7% trên giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng công ty.

Tuy nhiên, lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết và các công ty đầu tư tài chính dài hạn chưa cao. Chủ yếu là do các công ty mới bước vào giai đoạn sản xuất kinh doanh nên hoạt động chưa có hiệu quả (kết quả sản xuất kinh doanh lỗ).

Do đó, mục tiêu của PV Power trong giai đoạn tới là thực hiện thành công công tác thoái vốn tại các công ty liên kết & các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn của PV Power tại 31/12/2016:

Bảng 5: Danh sách các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn của PV Power tại T4/2017

T T	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn
I	Công ty con					
1	Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Sản xuất kinh doanh điện năng	Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	2.878.760	1.709.261 *	59,37%
2	Công ty CP Thủy điện ĐakDrink	Sản xuất kinh doanh điện năng	Xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	1.020.690	967.876	94,83%
3	Công ty CP Thủy điện Hòa Na	Sản xuất kinh doanh điện năng	Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	2.256.592	1.898.727	84,14%
4	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa NMD	Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	150.000	76.500	51%

5	Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Sản xuất kinh doanh điện năng	Huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	85.236	81.436	95,54%
6	Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị và phụ tùng thay thế	Số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	386.386	199.314 *	51,58%
II	Công ty liên kết					
1	Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	Sản xuất kinh doanh điện năng	Tiểu khu 5, Xã Ít Ong, Huyện Mường La, Sơn La	951.250	292.250 *	30,72%
2	Công ty CP Thủy điện Sông Hồng	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	Thôn 6, Phong Dụ Thượng, Văn Yên, Yên Bái	74.625,72	32.887,5	44,07%
3	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	Sản xuất kinh doanh điện năng	115 Trung Nữ Vương, Bình Hiên, Hải Châu, Đà Nẵng	148.206	47.286 *	31,91%
III	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn					

1	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	Sản xuất kinh doanh điện năng	Chiềng Xan, Mường La, Sơn La	362.548	35.733 *	9,85%
2	Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 3	Sản xuất kinh doanh điện năng	Thôn 2, Thị trấn Tân An, Huyện Hiệp Đức, Tỉnh Quảng Nam	422.261	29.341	6,95%
3	Công ty CP EVN Quốc tế	Sản xuất kinh doanh điện năng	Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	366.771	28.800	7,85%
4	Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Tư vấn, thiết kế, xây dựng đô thị	Số 131, Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	280.689	18.202	6,48%
5	Công ty CP Cơ điện Dầu khí	Thi công xây dựng các công trình điện	Tầng 5, tòa nhà Đại Phát, Lô A2C, Cụm tiểu thủ Công Nghiệp và Công Nghiệp nhỏ, Cầu Giấy, Hà Nội	10.000	1.000	10%

6	Công ty CP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	Đầu tư, xây dựng và vận hành NMNĐ; kinh doanh điện	Số 1, Phạm Huy Thông, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	11.000	550	5%
7	Công ty CP Điện Việt Lào	Sản xuất kinh doanh điện năng	Lào	2.451.530	308.050 *	12,57%
8	Công ty CP Thủy điện Sơn Trà - Sông Đà	Sản xuất kinh doanh điện năng	Số 21 Phan Đình Phùng, Quảng Ngãi	6.319,84	1.228,8	19,44%

Ghi chú: (*) là giá trị đầu tư theo mệnh giá.

Nguồn: PV Power

1.7. Thông tin các nhà máy điện đang vận hành

1.7.1. Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2

- Địa điểm: tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Đơn vị quản lý: Chi nhánh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty điện lực dầu khí Cà Mau.
- Công nghệ: nhiệt điện khí chu trình hỗn hợp sử dụng công nghệ mới, hiện đại hàng đầu thế giới do Tập đoàn Siemens CHLB Đức sản xuất. Mỗi nhà máy có cấu hình 2-2-1, (2 tua bin khí thể hệ F, 2 lò thu hồi nhiệt kiểu nằm ngang, tuần hoàn tự nhiên, 3 cấp áp lực có tái sấy, 1 tuabin hơi).
- Nhiên liệu chính cung cấp cho nhà máy là khí thiên nhiên lấy từ hệ thống khí PM3 – CAA và Lô 46 Cái Nước với mức tiêu thụ khoảng 6 triệu m³/ngày và nhiên liệu dự phòng là dầu DO.
- Tổng công suất: 1.500 MW (750 MW x 2)
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN thời hạn 20 năm (kể từ khi đi vào vận hành thương mại).
- Nhà máy Điện Cà Mau 1, chính thức phát điện lên lưới Quốc gia ngày 04/04/2007, vận hành thương mại tháng 3/2008.
- Nhà máy Điện Cà Mau 2, chính thức phát điện lên lưới Quốc gia vào tháng 08/2008, vận hành thương mại tháng 12/2008.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được miễn trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 5 PV Power áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

1.7.2. Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1

- Địa điểm: tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Đơn vị quản lý: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Công nghệ: sử dụng nhiên liệu chính là khí tự nhiên, nguồn khí cung cấp từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn, nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Nhà máy có cấu hình 2-2-1 (2 Turbine khí - 2 lò thu hồi nhiệt - 1 Turbine hơi), đấu nối với 4 đường xuất tuyến 220KV: đi Phú Mỹ mạch 1&2, đi Cai Lậy và đi Mỹ Tho mạch 2.

- Công suất: 450 MW.
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN thời hạn 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại hoặc ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.
- Các tổ máy GT11, GT12, ST18 và chu trình hỗn hợp lần lượt hòa lưới điện quốc gia vào tháng 05/2008, 07/2008, 04/2009 và 08/2009.
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chính thức vận hành thương mại chu trình đơn vào ngày 30/6/2008 và chính thức đi vào vận hành chu trình hỗn hợp vào ngày 22/8/2009.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được hưởng lãi suất ưu đãi bằng 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi dự án hoạt động và theo quy định của nhà nước trong những năm tiếp theo nhưng không quá 28%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

1.7.3. Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2

- Địa điểm: khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Công nghệ: Là nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, sử dụng công nghệ tuabin khí thể hệ F, là công nghệ tiên tiến trên thế giới hiện nay, có hiệu suất cao và rất thân thiện với môi trường. Nhà máy có cấu hình 2-2-1, bao gồm 2 tuabin khí thể hệ F, 2 lò thu hồi nhiệt kiểu nằm ngang tuần hoàn tự nhiên ba cấp áp lực có tái sấy và 1 tuabin hơi ba cấp áp lực phù hợp với công nghệ thiết kế của lò thu hồi nhiệt.

Toàn bộ nhà máy được vận hành tự động trên hệ thống điều khiển SPPA-T3000, đây là hệ thống điều khiển tiên tiến nhất của Tập đoàn Siemens – Đức. Tính đến thời điểm hiện tại, trong số các nhà máy điện tương tự tại Việt Nam chỉ duy nhất nhà máy điện Nhơn Trạch 2 áp dụng công nghệ tiên tiến này.

- Nhiên liệu chính để vận hành nhà máy là khí thiên nhiên (khoảng 3 triệu m³/ngày đêm) và nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Trong quá trình vận hành nếu có sự cố về việc cung cấp nhiên liệu khí thì nhà máy sẽ tự động chuyển sang vận hành bằng nhiên liệu dự phòng là dầu DO.
- Tổng công suất: 750 MW.

Hàng năm nhà máy cung cấp cho lưới điện quốc gia sản lượng điện trung bình khoảng 5 tỷ kWh thông qua sân phân phối 220 kV, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước, đặc biệt là khu vực miền Đông Nam Bộ nơi có phụ tải cao nhất cả nước.

- Thông tin về PPA đã ký hợp đồng mua bán điện chính thức với công ty mua bán điện EPTC với thời hạn 10 năm.
- Vận hành thương mại: tháng 10/2011.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Từ năm 2011 – 2014, PV Power NT 2 được miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp và sẽ tiếp tục được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 2 NMD Nhơn Trạch 2 áp dụng giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.7.4. Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt

- Địa điểm: xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn.
- Công suất: 3,2MW, hàng năm cung cấp lên hệ thống điện quốc gia khoảng 13 triệu kWh, giải quyết tới 1/3 nhu cầu tiêu thụ điện và đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng công nghiệp của tỉnh Bắc Kạn.
- Thông tin về PPA: Đã ký hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền Bắc thời hạn 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại.
- Dự án được khởi công vào tháng 4/2011, đã đi vào vận hành, hoàn thành công tác hòa lưới điện quốc gia ngày 17/4/2012 và đã tổ chức khánh thành nhà máy vào ngày 10/5/2012.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: ưu đãi thuế suất 10%/năm trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo.
- Các ưu đãi khác: miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất 15 năm, được hỗ trợ sau đầu tư, được vay vốn tín dụng của chính phủ, được bảo lãnh tín dụng đầu tư.

1.7.5. Nhà máy Thủy điện Hủa Na

- Địa điểm: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (PV Power HHC).

- Tổng công suất: 180MW.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng với thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại (năm 2013), trong đó quy định giá bán bình quân cho cả đời dự án. Hòa Na hiện đang đàm phán lại giá điện theo vốn đầu tư quyết toán với sản lượng điện bình quân hàng năm dự kiến đạt khoảng 716,6 triệu kWh.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Dự án nằm trong quy hoạch điện quốc gia (Quy hoạch Điện VII), hưởng cơ chế 797/400. Theo luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008, sửa đổi bổ sung số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, trong đó miễn thuế 04 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ 2013) và giảm 50% thuế suất trong 09 năm tiếp theo (từ 2017).
- Các ưu đãi khác: được ưu đãi về tiền thuê đất và bù trừ vào tiền giải phóng mặt bằng của dự án, ưu đãi tiền thuê mặt nước.

1.7.6. Nhà máy Thủy điện Đakdrinh

- Địa điểm: xã Sơn Tân – huyện Sơn Tây- tỉnh Quảng Ngãi. Đây là dự án điện có công suất lớn nhất trong quy hoạch bậc thang thủy điện sông Trà Khúc.
- Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakĐrinh.
- Tổng công suất: 125MW.
- Nhà máy được thiết kế với 2 tổ máy và trạm phân phối 110kV, có nhiệm vụ cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia với sản lượng hàng năm dự kiến 540,9 triệu kWh, đồng thời làm tăng lưu lượng cấp nước về mùa khô cho vùng hạ du và cất lũ cho hạ lưu về mùa lũ, đặc biệt sẽ tạo nguồn nước ngọt phục vụ cho khu kinh tế Dung Quất.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng mua bán điện thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại chính thức. Hợp đồng có hiệu lực từ 01/5/2014.
- Vận hành thương mại chính thức: tháng 6/2014.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm đầu kể từ năm 2014 đến hết năm 2017; miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2018 đến hết năm 2026 (mức thuế phải đóng 10%/năm);
- Ưu đãi khác: miễn giảm tiền thuê đất và thuê mặt nước, khấu trừ tiền thuê đất vào chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án, được ưu đãi thuế nhập khẩu, được ưu đãi vay vốn tín dụng đầu tư.

1.7.7. Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

- Địa điểm: thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Công suất: 1.200 MW (2x600 MW).
- Công nghệ: Sử dụng công nghệ đốt than phun trực tiếp tiên tiến, hiệu suất cao, đáp ứng tốt yêu cầu về bảo vệ môi trường, hàng năm khi đi vào vận hành nhà máy sẽ cung cấp cho hệ thống khoảng 7,2 tỉ kWh, góp phần đáp ứng nhu cầu của phụ tải của khu vực nói riêng và hệ thống điện quốc gia nói chung. Đây là một trong những nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất tại Việt Nam và là một trong số ít các dự án nhiệt điện than đã đạt mức nội địa hóa đạt khoảng 30% đối với thiết kế, chế tạo, vật tư thiết bị trong nước, trong đó có gói thầu có tỷ lệ nội địa hóa lên đến 55% do các đơn vị trong nước sản xuất. Than cho nhà máy là than nội địa và than cám 5 với lượng tiêu thụ dự kiến 2,9 triệu tấn/năm.
- Tổ máy số 1 đi vào vận hành thương mại từ 31/12/2014 và tổ máy số 2 từ ngày 12/5/2015, đến nay đã cung cấp cho hệ thống điện quốc gia trên 7,5 tỷ kWh. Đến tháng 3/2017, sản lượng điện thương mại đạt hơn 7,577 tỷ kWh điện thương phẩm, tiêu thụ gần 3,387 triệu tấn than, 650 tấn dầu DO, 13.356 tấn dầu HFO.
- Thông tin về PPA: Đã ký Hợp đồng mua bán điện với EVN thời hạn 10 năm kể từ thời điểm vận hành thương mại.
- Doanh thu hàng năm của nhà máy dự kiến khoảng từ 7.000 – 8.000 tỉ đồng, góp phần vào tổng doanh thu của Tập đoàn và ngân sách. Nguồn vốn đầu tư gồm vốn chủ sở hữu của PVN và vốn vay có tỷ lệ 30/70.
- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, được miễn thuế 4 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế suất trong 9 năm tiếp theo.
- Ưu đãi khác: giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với người lao động có thu nhập cao thường xuyên và không thường xuyên (kể cả người Việt Nam và nước ngoài), miễn tiền thuê đất 15 năm, miễn tiền thuê đất và sử dụng đất để làm nhà cho người lao động, miễn thuế nhập khẩu trong 5 năm cho đối tượng phải nộp thuế kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm phải nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được.

1.8. Bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp

1.8.1. Bộ máy quản lý điều hành

Cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành của PV Power gồm có:

Hội đồng thành viên: Hội đồng thành viên (HĐTV) là cơ quan đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power; thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại PV Power, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của PV Power tại các doanh nghiệp khác.

Tổng giám đốc: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của PV Power theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, phù hợp với Điều lệ của PV Power và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Kiểm soát viên: Chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của HĐTV, Tổng giám đốc Tổng công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và trong quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng: PV Power có 05 Phó tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị, được Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương và các lợi ích khác.

Các Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành PV Power theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán và thiết lập bộ máy kế toán của PV Power; đề xuất các giải pháp tài chính nhằm bảo đảm nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển PV Power; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại PV Power theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Bộ máy giúp việc: Bộ máy giúp việc gồm Văn phòng, các Ban chuyên môn nghiệp vụ của PV Power, có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

1.8.2. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc

Hội đồng Thành viên

- Ông Hồ Công Kỳ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Thành viên Hội đồng thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Quý: Thành viên Hội đồng thành viên
- Ông Hà Đức Thu: Thành viên Hội đồng thành viên
- Ông Vũ Huy An: Thành viên Hội đồng thành viên

Ban Tổng giám đốc & Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Tổng giám đốc
- Ông Hoàng Văn Nghiệp: Phó tổng giám đốc.
- Ông Phạm Xuân Trường: Phó tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích: Phó tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Duy Giang: Phó tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Mạnh Tường: Phó tổng giám đốc
- Bà Hà Thị Minh Nguyệt: Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

- Ông Vũ Quốc Hải: Kiểm soát viên phụ trách
- Bà Vũ Thị Ngọc Dung: Kiểm soát viên
- Bà Lý Thị Thu Hương: Kiểm soát viên

1.9. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam có 1.181 cán bộ công nhân viên. Đội ngũ cán bộ nhân viên phát triển song song với quy mô mở rộng của Tổng công ty, 68% cán bộ nhân viên của PV Power có trình độ đại học và trên đại học trong lĩnh vực chuyên ngành điện và các ngành kỹ thuật khác. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của PV Power dù còn trẻ nhưng đã sớm làm chủ về công nghệ, vận hành thông suốt các nhà máy điện.

Số lao động dự kiến tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần là 1.181 người. Cơ cấu lao động chi tiết được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 6: Cơ cấu lao động dự kiến tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	1.181	100%
- Đại học và trên đại học	807	68,33%

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
- Cao đẳng	89	7,54%
- Trung cấp	77	6,52%
- Công nhân kỹ thuật và Lao động phổ thông	208	17,61%
Theo hợp đồng lao động	1.181	100%
- Diện không phải ký hợp đồng lao động (VCQL)	14	1,19%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	643	54,45%
- Hợp đồng có thời hạn từ đủ 1 năm đến 3 năm	519	43,95%
- Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	5	0,42%
Theo giới tính	1.181	100%
- Nam	956	80,9%
- Nữ	225	19,1%
Lao động nghỉ việc	0	0%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

2. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA VÀ GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

2.1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Theo Quyết định số 1364/QĐ-BCT ngày 20/4/2017 của Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) để cổ phần hóa, **tổng giá trị thực tế doanh nghiệp của PV Power để cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 là 60.623.284.088.550 đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 33.556.542.680.659 đồng.**

Ghi chú: theo Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 8/12/2017 phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, PV Power tổ chức, triển khai thực hiện bán cổ phần trong thời hạn 3 tháng kể từ thời điểm ký quyết định số 1997/QĐ-TTg mà không phải xác định lại giá trị doanh nghiệp.

Bảng 7: Chi tiết kết quả xác định giá trị doanh nghiệp PV Power

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính	Số liệu sau khi xác định lại	Chênh lệch giữa số liệu sau khi xác định lại với số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)
A.	Tài sản đang dùng	50.485.457.325.456	60.623.284.088.550	10.137.826.763.094
I.	Tài sản dài hạn	41.828.336.190.221	51.349.240.852.791	9.520.904.662.570
1.	Tài sản cố định	35.061.075.952.031	40.634.339.009.370	5.573.263.057.339
	- TSCĐ hữu hình	35.050.967.885.735	40.624.230.943.074	5.573.263.057.339
	- TSCĐ vô hình (chưa gồm giá trị quyền sử dụng đất)	10.108.066.296	10.108.066.296	-
2.	Tài sản dở dang dài hạn	229.235.994.501	229.235.994.501	-
3.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.745.643.994.567	9.664.206.456.179	3.918.562.461.612

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính	Số liệu sau khi xác định lại	Chênh lệch giữa số liệu sau khi xác định lại với số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)
4.	Các khoản phải thu dài hạn	221.050.000	221.050.000	-
5.	Tài sản dài hạn khác	792.159.199.122	821.238.342.741	29.079.143.619
II.	Tài sản ngắn hạn	8.641.211.827.398	8.659.295.279.284	18.083.451.886
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.358.144.851.866	4.358.141.076.098	(3.775.768)
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	-
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.482.848.889.614	3.482.848.889.614	-
4.	Hàng tồn kho	637.377.144.446	655.464.372.100	18.087.227.654
5.	Tài sản ngắn hạn khác	112.840.941.472	112.840.941.472	-

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính	Số liệu sau khi xác định lại	Chênh lệch giữa số liệu sau khi xác định lại với số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)
III.	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	595.955.275.857	595.955.275.857
1.	Giá trị thương hiệu	-	38.036.657.389	38.036.657.389
2.	Giá trị tiềm năng phát triển	-	557.918.618.468	557.918.618.468
IV.	Giá trị quyền sử dụng đất	15.909.307.837	18.792.680.618	2.883.372.781
B.	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
I.	Tài sản dài hạn	-	-	-
1.	Tài sản cố định	-	-	-
	Nguyên giá	3.116.065.057	3.116.065.057	-

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính	Số liệu sau khi xác định lại	Chênh lệch giữa số liệu sau khi xác định lại với số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)
	Hao mòn lũy kế	(3.116.065.057)	(3.116.065.057)	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ TÀI SẢN DOANH NGHIỆP (Mục A)	50.485.457.325.456	60.623.284.088.550	10.137.826.763.094
C.	NỢ PHẢI TRẢ	27.066.741.407.891	27.066.741.407.891	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A+B- C}	23.418.715.917.565	33.556.542.680.659	10.137.826.763.094

Nguồn: Biên bản xác định giá trị Doanh nghiệp

2.2. Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp bao gồm:

- Tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý:
 - Nguyên giá: 3.116.065.057 đồng
 - Khấu hao lũy kế: 3.116.065.057 đồng
- Hàng tồn kho là vật tư thu hồi sau khi sử dụng được PV Power nhập kho và ghi nhận giá trị sổ sách là 0 đồng, hiện chờ thanh lý.

2.3. Một số vấn đề cần lưu ý liên quan đến giá trị doanh nghiệp để CPH

- Số liệu tại thời điểm 0h ngày 01/01/2016 để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty đã được điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Bộ Tài chính (tại Công văn số 65771/CT-KTT2 ngày 21/10/2016 của Cục thuế Hà nội về việc quyết toán thuế để xác định giá trị doanh nghiệp, Cục thuế Hà nội đã đề nghị căn cứ kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty).
- Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty đã bao gồm giá trị của sân phân phối 500KV Trung tâm điện lực Vũng Áng là 218,48 tỷ đồng. Tuy nhiên, PVN đã chấp thuận chủ trương việc nhận lại tài sản này nhưng chưa thực hiện việc chuyển giao tài sản. Giá trị doanh nghiệp Tổng công ty sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng với số đã ghi nhận nêu trên sau khi PVN và PV Power chuyển giao tài sản.
- Theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của PV Power:

Tổng công ty đang thực hiện chủ trương thoái vốn tại CTCP Thủy điện Hòa Na. Do chưa hoàn thành các thủ tục thoái vốn theo quy định nên giá trị khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty vào CTCP Thủy điện Hòa Na vẫn được xác định lại và tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Trường hợp trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang CTCP, PV Power hoàn thành các thủ tục thoái vốn và thực hiện thoái vốn tại CTCP Thủy điện Hòa Na, sẽ điều chỉnh tại thời điểm quyết toán cổ phần hóa theo quy định.

Hiện nay, PV Power vẫn chưa thoái vốn tại CTCP Thủy điện Hòa Na nên giá trị khoản đầu tư tài chính vào CTCP Thủy điện Hòa Na vẫn được tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

3. TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

3.1. Thực trạng về tài sản cố định

Bảng 8: Tài sản cố định PV Power Hợp nhất tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ % GTCL/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	68.968.940	20.968.478	48.000.462	70%
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	17.770.869	2.924.222	14.846.647	84%
2	Máy móc và thiết bị	48.658.338	17.671.031	30.987.307	64%
3	Phương tiện vận tải	306.835	205.191	101.644	33%
4	Thiết bị văn phòng	109.193	79.276	29.917	27%
5	Tài sản cố định khác	2.123.704	88.757	2.034.947	96%
II	Tài sản cố định vô hình	91.910	23.944	67.966	74%
1	Quyền sử dụng đất	52.995		52.995	100%
2	Phần mềm máy tính	38.915	23.944	14.972	38%
Tổng cộng		69.060.850	20.992.422	48.068.428	70%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016 của PV Power

Bảng 9: Tài sản cố định PV Power - Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ % GTCL/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	46.874.026	15.044.530	31.829.496	68%
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	6.313.172	1.182.401	5.130.771	81%
2	Máy móc và thiết bị	38.148.658	13.558.570	24.590.088	64%
3	Phương tiện vận tải	214.495	153.816	60.679	28%
4	Thiết bị văn phòng	73.997	60.986	13.011	18%

5	Tài sản cố định khác	2.123.704	88.757	2.034.947	96%
II	Tài sản cố định vô hình	33.587	19.535	14.052	42%
1	Quyền sử dụng đất	5.260		5.260	100%
2	Phần mềm máy tính	28.327	19.535	8.792	31%
Tổng cộng		46.907.613	15.064.065	31.843.548	68%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2016 Công ty mẹ PV Power

3.2. Đất đai Tổng công ty đang quản lý và sử dụng

Tổng diện tích đất PV Power đang quản lý và sử dụng: 1.920.878,9 m². Trong đó:

- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau: 605.318,3 m²;
- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch: 335.653,9 m²;
- Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh: 979.906,7 m².

3.2.1. Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (PV Power Cà Mau):

a) Khu đất xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 1:

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 240.792,3 m², trong đó:
 - Diện tích xây dựng làm văn phòng làm việc là: 1.058,4 m², xây 04 tầng với kết cấu chính bằng bê tông cốt thép.
 - Diện tích xây dựng nhà máy để sản xuất kinh doanh điện là: 239.733,9 m², xây dựng với kết cấu chính bằng bê tông cốt thép.
- Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định 121/QĐ-UBND ngày 01/11/2012 của UBND tỉnh Cà Mau v/v thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
 - Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ815167 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/10/2013;
- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê.

- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/11/2032.
- b) Khu đất xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 2:**
 - Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
 - Diện tích đất: 109.434,2 m², được xây dựng bằng kết cấu bê tông cốt thép.
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định 26/QĐ-UBND ngày 09/4/2012 của UBND tỉnh Cà Mau v/v thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
 - Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CT000045 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/10/2013;
 - Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.
 - Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 09/04/2037.
- c) Khu đất xây dựng cảng nhập dầu DO - Nhà máy điện Cà Mau 1:**
 - Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
 - Diện tích đất: 103.445,3 m², trong đó: diện tích đất xây dựng cảng là 87.231,6 m², diện tích đất mặt nước là 16.213,7 m².
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định số 89/QĐ/UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí- Điện- Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty điện lực dầu khí Cà Mau thuê để quản lý, sử dụng mục đích năng lượng;
 - Quyết định 101/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí- Điện- Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty điện lực dầu khí Cà Mau thuê để quản lý, sử dụng vào mục đích đất năng lượng;
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 925085 do Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/9/2016 (phần diện tích đất xây dựng cảng).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 925086 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/9/2016 (phần diện tích đất mặt nước).

- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/11/2032.

d) Khu đất Hành lang cây xanh - Nhà máy điện Cà Mau 1:

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Diện tích đất: 84.739,8 m².
- Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định số 88/QĐ/UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thu hồi đất của Ban quản lý dự án Khí- Điện- Đạm Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh và giao cho Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty điện lực dầu khí Cà Mau thuê để quản lý, sử dụng vào mục đích đất năng lượng;
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 925087 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/9/2016.
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 925088 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/9/2016.

- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/11/2032.

e) Khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 phục vụ quản lý vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2:

- Địa chỉ: Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng khu Nhà điều hành và nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 là 33.806 m², trong đó phần diện tích đất xây dựng được giao cho PV Power Cà Mau quản lý và sử dụng là 19.266,9m² (tạm tính theo tỷ lệ phân bổ tại Quyết định 279/QĐ- DKVN và Quyết định 280/QĐ-DKVN của Tập đoàn), gồm các khu nhà ở như sau:
 - Nhà ở hộ độc thân gồm 6 block, mỗi block có 5 căn nhà;
 - Nhà ở hộ gia đình gồm 2 block, mỗi block có 5 căn nhà;
- Hồ sơ pháp lý:

- Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 13/01/2005 của UBND tỉnh Cà Mau v/v thu hồi đất của công ty PTN Minh Hải và 23 hộ dân, giao cho Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau xây dựng Nhà điều hành và nhà ở công vụ giai đoạn 1, tổng diện tích là 33.806 m²;
 - Quyết định 279/QĐ-DKVN ngày 11/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1;
 - Quyết định 280/QĐ-DKVN ngày 11/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 2.
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.
 - Thời hạn sử dụng đất: 20 năm (hiện tại chưa có hợp đồng cho thuê đất nên chưa xác định được thời gian sử dụng đất cụ thể).
- f) ***Khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 phục vụ quản lý, vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2:***
- Địa chỉ: Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
 - Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng khu Nhà điều hành và nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 được giao quản lý là 47.639,8 m² (tạm tính theo tỷ lệ phân bổ tại Quyết định 279/QĐ- DKVN và Quyết định 280/QĐ-DKVN của Tập đoàn), bao gồm diện tích xây dựng nhà ở và các công trình công cộng). Tổng diện tích xây dựng nhà ở là 9.100 m², bao gồm:
 - Nhà ở hộ gia đình 12 block;
 - Nhà ở hộ độc thân 10 block.
- Còn lại là diện tích các công trình công cộng gồm: đường dây trung thế, hệ thống cấp điện chiếu sáng, bể nước ngầm, trạm bơm, hệ thống cấp thoát nước, trạm xử lý nước thải, hệ thống PCCC, nhà xe, đài nước, sân đường nội bộ, hàng rào, cây xanh, hệ thống truyền hình cáp, đất đai được chia theo tỷ lệ phân bổ cho PV Power là 81,8% và PV Gas 18,2%.
- Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 08/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định số 153/QĐ-UB ngày 18/9/2007 của UBND tỉnh Cà Mau V/v thu hồi đất của 37 hộ gia đình để xây dựng dự án Nhà điều hành và nhà ở công vụ Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau giai đoạn 2, tổng diện tích thu hồi là 58.169 m².

- Quyết định 279/QĐ-DKVN ngày 11/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1;
- Quyết định 280/QĐ-DKVN ngày 11/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 2;
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.
- Thời hạn sử dụng đất: 20 năm (hiện tại chưa có hợp đồng cho thuê đất nên chưa xác định được thời gian sử dụng đất cụ thể).

3.2.2. Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (PV Power Nhơn Trạch):

a) Khu đất xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1:

- Địa chỉ: ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng nhà máy điện Nhơn Trạch 1 là 314.155 m², trong đó:
 - Diện tích xây dựng làm văn phòng làm việc là: 727,3 m²,
 - Diện tích xây dựng nhà máy để sản xuất kinh doanh điện là: 302.520,9 m²,
 - Diện tích xây dựng trạm bơm nước làm mát: 10.906,8 m².
- Hồ sơ pháp lý:
 - Công văn số 8396/UBND-CNN ngày 23/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định 2135/QĐ-UBND ngày 13/7/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v cho Ban quản lý Dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ – thành phố Hồ Chí Minh được thuê đất để xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch;
 - Hợp đồng thuê đất số 16/HĐTĐ ngày 15/02/2008 giữa Bên cho thuê đất là UBND tỉnh Đồng Nai, bên thuê đất là Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch, hình thức trả tiền nhiều lần (nay là Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chi nhánh ngày 20/11/2009); Gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng số 16/PLHĐTĐ-01 ngày 16/7/2013.
 - Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số T00010 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/3/2008, thời hạn sử dụng đến hết ngày 07/8/2057.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, đến ngày 7/8/2057

b) Khu đất xây dựng Trạm bơm tăng áp - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1:

- Địa chỉ: ấp Đoàn Kết, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích đất: 2.121 m².
- Hồ sơ pháp lý:
 - Công văn số 8396/UBND-CNN ngày 23/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định số 3942/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trạm bơm tăng áp tại xã Vĩnh Thanh – huyện Nhơn Trạch;
 - Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 13/3/2008 của UBND huyện Nhơn Trạch v/v phê chuẩn phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Trạm bơm tăng áp vận hành NMTĐ Nhơn Trạch tại xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
 - Quyết định số 4446/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam thuê đất để sử dụng vào mục đích xây dựng Trạm bơm nước tăng áp cho NMTĐ Nhơn Trạch 1 tại xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch;
 - Hợp đồng thuê đất số 55/HĐTĐ ngày 3/8/2017 giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, đến ngày 28/12/2057.

c) Khu đất xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 1:

- Địa chỉ: Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích đất: 8.410 m², trong đó diện tích xây dựng là 4.568,56 m², gồm:
 - Khu nhà ở công vụ xây 5 tầng kết cấu khung bê tông cốt thép, gồm: Block A diện tích xây dựng là 1.320 m², diện tích sàn là 5.183,7 m²; Block B diện tích xây dựng là 1.320 m², diện tích sàn là 5.183,7 m²;
 - Khu nhà câu lạc bộ xây 2 tầng: diện tích xây dựng là 350m², diện tích sàn là 670,9 m²;
 - Sân tennis: diện tích xây dựng là 702,45 m²;
 - Sân bóng chuyền: diện tích xây dựng là 705,45m².
- Hồ sơ pháp lý:
 - Công văn số 8396/UBND-CNN ngày 23/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Ngày 01/02/2007, Ban quản lý dự án Khí – Điện Nhơn Trạch – TP. Hồ Chí Minh đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty CP lắp máy điện nước và xây dựng (COWAELMIC) số 02/2007/GPPMB-COWAELMIC, gói thầu “Mua đất có sẵn hạ tầng để xây dựng công trình khu nhà ở cho CBCNV vận hành nhà máy”;
 - Ngày 20/6/2008, PV Power, Ban quản lý dự án Khí – Điện Nhơn Trạch (Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án ĐLDK 2) và COWAELMIC đã ký Phụ lục hợp đồng số 01 v/v chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng 02/2007/GPPMB-COWAELMIC cho PV Power;
 - Ngày 06/11/2009, PV Power và COWAELMIC ký Phụ lục hợp đồng số 02 của Hợp đồng 02/2007/GPPMB-COWAELMIC, theo đó hai bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng 02 được tách từ Hợp đồng số 02/2007/GPPMB-COWAELMIC để chuyển nhượng một phần diện tích ô đất chung cư CC1 thuộc đơn vị ở số 1 dự án khu dân cư Phước An – Long Thọ để xây dựng Tiểu khu 1 – Khu nhà ở công vụ cho CBCNV vận hành NMTĐ Nhơn Trạch 1;
 - Đến nay, khu công trình nhà ở cho CBCNV vận hành NMTĐ Nhơn Trạch 1 đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2008. Hiện tại khu đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho COWAELMIC. PV Power đang hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng Giấy CNQSDĐ cho Tổng công ty.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng.
 - Thời hạn sử dụng đất: đất sử dụng lâu dài
- d) Khu đất xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 2:**
- Địa chỉ: Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
 - Diện tích đất: 10.967,9 m², trong đó diện tích xây dựng là 2.140 m², gồm:
 - Khu biệt thự song lập gồm 4 căn, diện tích xây dựng 540 m² xây dựng kết cấu khung bê tông cốt thép, hiện chưa đưa vào sử dụng;
 - Khu biệt thự đơn lập gồm 16 căn, diện tích xây dựng 1.600 m² xây dựng kết cấu khung bê tông cốt thép, chưa hoàn thiện phần thô.
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Công văn số 8396/UBND-CNN ngày 23/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v Phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Ngày 01/02/2007, Ban quản lý dự án Khí – Điện Nhơn Trạch – tp. Hồ Chí Minh) đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty CP lắp máy điện nước và xây

dựng (COWAELMIC) số 02/2007/GPPMB-COWAELMIC, gói thầu “Mua đất có sẵn hạ tầng để xây dựng công trình khu nhà ở cho CBCNV vận hành nhà máy”;

- Ngày 20/6/2008, PV Power, Ban quản lý dự án Khí – Điện Nhơn Trạch (Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án ĐLDK 2) và COWAELMIC đã ký Phụ lục hợp đồng số 01 v/v chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng 02/2007/GPPMB-COWAELMIC cho PV Power;
- Ngày 06/11/2009, PV Power và COWAELMIC ký Phụ lục hợp đồng số 03 của Hợp đồng 02/2007/GPPMB-COWAELMIC, theo đó hai bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng 03 được tách từ Hợp đồng số 02/2007/GPPMB-COWAELMIC để PV Power nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt do COWAELMIC làm chủ đầu tư để xây dựng Tiểu khu 2 – Khu nhà ở công vụ cho CBCNV vận hành NMD Nhơn Trạch 1. Tổng diện tích chuyển nhượng toàn bộ ô đất BT13 là 10.984 m² gồm 20 lô đất biệt thự (BT13-1 đến BT13-20);
- Hiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu đất Tiểu khu 2 (20 căn biệt thự) cho COWAELMIC. PV Power đang hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tổng công ty.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: đất sử dụng lâu dài.

3.2.3. Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (PV Power Hà Tĩnh):

a) Khu đất xây dựng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1:

- Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Diện tích đất: tổng diện tích khuôn viên đất được giao quản lý là 427.735,4 m²
- Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định số 4599/UBND-NL2 ngày 09/09/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định 1865/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh v/v thu hồi đất, điều chỉnh diện tích đất cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thuê để xây dựng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
 - Hợp đồng thuê đất 53/2010/HĐTĐ ngày 14/9/2010 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Đại diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất, tiền thuê đất được nộp hàng năm.
- Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 31/10/2057.
- b) ***Khu đất xây dựng khu nhà ở CBCNV giai đoạn quản lý, vận hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1:***
 - Địa chỉ: phường Kỳ Thịnh, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
 - Diện tích khu đất: tổng diện tích khuôn viên đất được giao quản lý là 45.040 m², diện tích xây dựng là 7.398m², trong đó:
 - Khu đất xây dựng Nhà công vụ gồm 05 block được xây 05 tầng với kết cấu bê tông cốt thép, diện tích xây dựng là 4.440 m², diện tích sàn là 20.615 m²;
 - Khu đất xây dựng Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích 1.500 m²;
 - Khu đất xây dựng Sân tennis diện tích 703 m²;
 - Khu đất xây dựng nhà tập luyện thể dục thể thao với kết cấu khung bê tông cốt thép, diện tích xây dựng là 755 m²;
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định số 4599/UBND-NL2 ngày 09/09/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Quyết định số 329/QĐ-UBND v/v cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thuê đất để xây dựng khu nhà ở CBCNV giai đoạn vận hành Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
 - Hợp đồng thuê đất 15/2015/HĐTĐ-KKT ngày 20/7/2015 giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Đại diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch.
 - Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 15B/2015/HĐTĐ-KKT ngày 07/06/2017 ký giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Thời hạn sử dụng đất: 31/10/2057.
- c) ***Khu đất xây dựng sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng***
 - Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
 - Diện tích khu đất: 106.420 m².
 - Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định số 4599/UBND-NL2 ngày 09/09/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Quyết định số 556/QĐ-KKT ngày 16/12/2015 của Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh về việc điều chỉnh diện tích cho thuê đất của Quyết định số 495/QĐ-KKT ngày 13/11/2015 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh v/v cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thuê đất thực hiện dự án Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng tại xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh;
 - Hợp đồng thuê đất số 22/2015/HĐTĐ-KKT ngày 18/12/2015 cho dự án đầu tư Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng tại xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh giữa Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 22B/2015/HĐTĐ-KKT ngày 07/06/2017 ký giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
 - Thời hạn sử dụng đất: 31/10/2057.
- d) ***Các khu đất còn lại Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh đang sử dụng để vận hành NMD Vũng Áng 1:***
- Để đảm bảo kế hoạch cổ phần hóa, các khu đất còn lại của NMD Vũng Áng đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch hoàn thiện thủ tục ký hợp đồng thuê đất theo chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể:
 - Khu đất xây dựng Trạm bơm tuần hoàn và cửa lấy nước làm mát: diện tích 165.413m², địa chỉ tại xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh: Hợp đồng thuê đất số 16/2016/HĐTĐ- KKT ngày 22/9/2016 giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng – Quảng Trạch và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 16B/2016/HĐTĐ-KKT ngày 07/6/2017 ký giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Khu đất xây dựng Tuyến kênh thải nước làm mát và băng tải than, 23.451 m², địa chỉ tại xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh: Hợp đồng thuê đất số 10/2016/HĐTĐ-KKT ngày 26/7/2016 giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 10B/2016/HĐTĐ-KKT ngày 07/6/2017 ký giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - Khu đất xây dựng Đường ống nước mặt bằng trạm bơm tuần hoàn, 15.602,3m², địa chỉ tại xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh: Hợp đồng thuê đất số 13 và

14/2016/HĐTĐ- KKT ngày 29/8/2016 giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 13B/2016/HĐTĐ-KKT và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 14B/2016/HĐTĐ-KKT ngày 07/6/2017 ký giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Khu đất xây dựng Bãi thải xi, 196.245 m², địa chỉ tại xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh: Hợp đồng thuê đất số 15/2016/HĐTĐ-KKT ngày 22/9/2016 giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho thuê đất số 15B/2016/HĐTĐ-KKT ngày 07/6/2017 ký giữa Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Thời hạn sử dụng đất: đến 31/10/2057.

Bảng 10: Hiện trạng sử dụng đất đai trước cổ phần hóa của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Tên đơn vị đang sở hữu, quản lý, sử dụng	Hình thức sử dụng đất					Mục đích sử dụng đất và tài sản gắn với đất	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
				Nhận chuyển nhượng QSDĐ	Diện tích đất được giao (m ²)		Diện tích đất nhà nước cho thuê (m ²)			
					Có thu tiền sử dụng đất	Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
I	PV Power Cà Mau	605.318,3					605.318,3			
1	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	240.792,3	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau				240.792,3		Xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 1, văn phòng làm việc	
2	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	109.434,2	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau				109.434,2		Xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 2	
3	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	103.445,3	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau				103.445,3		Xây dựng cảng nhập dầu DO - Nhà máy điện Cà Mau 1	
4	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	84.739,8	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau				84.739,8		Xây dựng hành lang cây xanh - Nhà máy điện Cà Mau 1	

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Tên đơn vị đang sở hữu, quản lý, sử dụng	Hình thức sử dụng đất					Mục đích sử dụng đất và tài sản gắn với đất	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
				Nhận chuyển nhượng QSDĐ	Diện tích đất được giao (m ²)		Diện tích đất nhà nước cho thuê (m ²)			
					Có thu tiền sử dụng đất	Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
5	Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	19.267	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau				19.267		Xây dựng khu nhà điều hành và nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 NMĐ Cà Mau 1&2	
6	Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	47.639,8	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau				47.639,8		Xây dựng khu nhà điều hành và nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 NMĐ Cà Mau 1&2	
	PV Power Nhơn Trạch	335.653,9			19.377,9			316.276		18.792.680.618
1	Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	314.155	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch					314.155	Xây dựng văn phòng, căng tin, nhà máy điện Nhơn Trạch 1	

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Tên đơn vị đang sở hữu, quản lý, sử dụng	Hình thức sử dụng đất					Mục đích sử dụng đất và tài sản gắn với đất	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
				Nhận chuyển nhượng QSDĐ	Diện tích đất được giao (m ²)		Diện tích đất nhà nước cho thuê (m ²)			
					Có thu tiền sử dụng đất	Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
2	Ấp Đoàn Kết, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai	2.121	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch					2.121	Xây dựng nhà điều hành, trạm bơm tăng áp - Nhà máy điện Nhon Trạch 1	
3	Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai	8.410	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch		8.410				Xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 1, cầu lạc bộ, sân thể thao	8.143.298.800
4	Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai	10.967,9	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch		10.967,9				Xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 2	10.649.381.818
	PV Power Hà Tĩnh	979.906,7						979.906,7		
1	Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.	427.735,4	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh					427.735,4	Xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, nhà điều hành, khu phụ trợ thi công	

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Tên đơn vị đang sở hữu, quản lý, sử dụng	Hình thức sử dụng đất					Mục đích sử dụng đất và tài sản gắn với đất	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
				Nhận chuyển nhượng QSDĐ	Diện tích đất được giao (m ²)		Diện tích đất nhà nước cho thuê (m ²)			
					Có thu tiền sử dụng đất	Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
2	Phường Kỳ Thịnh, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.	45.040	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh					45.040	Xây dựng khu nhà ở CBCNV giai đoạn quản lý, vận hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, khu thể thao	
3	Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.	106.420	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh					106.420	Xây dựng sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng	
4	Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.	165.413	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh					165.413	Xây dựng Trạm bơm	
5	Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.	23.451	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh					23.451	Xây dựng Tuyến kênh thải nước làm mát và băng tải than	

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Tên đơn vị đang sở hữu, quản lý, sử dụng	Hình thức sử dụng đất					Mục đích sử dụng đất và tài sản gắn với đất	Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
				Nhận chuyển nhượng QSDĐ	Diện tích đất được giao (m ²)		Diện tích đất nhà nước cho thuê (m ²)			
					Có thu tiền sử dụng đất	Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền một lần	Trả tiền hàng năm		
6	Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.	15.602,3	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh					15.602,3	Xây dựng Đường ống nước mặt bằng trạm bơm tuần hoàn	
7	Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.	196.245	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh					196.245	Xây dựng Bãi thải xỉ	
Tổng cộng (I+II+III)		1.920.878,9			19.377,9		605.318,3	1.296.182,7		18.792.680.618

Nguồn: Hồ sơ Xác định giá trị doanh nghiệp

4. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

4.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power hợp nhất trước cổ phần hóa

4.1.1. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm

a) Doanh thu

Doanh thu của PV Power đến từ các hoạt động sau: (i) doanh thu bán điện (ii) doanh thu cung cấp dịch vụ (iii) doanh thu bán hàng hóa (iv) doanh thu hợp đồng xây lắp (v) doanh thu bán bất động sản. Doanh thu theo các mặt hoạt động của PV Power trong giai đoạn trước cổ phần hóa được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu hợp nhất của PV Power

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2014		2015		2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán điện	24.107.269	98,98	21.824.558	93,94	27.209.025	96,45	14.939.824	96,42
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.589	0,14	607.753	2,62	155.395	0,55	1.956	0,01
3	Doanh thu bán hàng hóa	212.137	0,87	768.847	3,31	666.301	2,36	538.779	3,48
4	Doanh thu hợp đồng xây lắp	3.539	0,01	16.186	0,07	181.050	0,64		-
5	Doanh thu bán bất động sản	-	0,00	13.866	0,06	-	0,00	14.159	0,09
	Tổng cộng	24.356.534	100	23.231.210	100	28.211.770	100	15.494.718	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 6 tháng 2017 của PV Power

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của PV Power là sản xuất và kinh doanh điện. Năm 2014, tỷ trọng doanh thu bán điện đạt 98,98% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong năm 2015, Công ty mẹ thực hiện hợp đồng quản lý vận hành thuê nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 cho PVN dẫn đến tỷ trọng doanh thu bán điện trong doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm xuống 93,94%. Đến hết năm 2016, tỷ trọng sản xuất kinh doanh điện tăng nhẹ từ 93,94% lên 96,45% chủ yếu do không còn doanh thu vận hành thuê nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, đồng thời tăng thêm doanh thu từ bán điện của Nhiệt điện Vũng Áng 1. Sáu tháng 2017

không có nhiều sự thay đổi so với năm 2016 khi doanh thu bán điện vẫn chiếm tỷ trọng 96,42%.

Lượng điện sản xuất của PV Power chủ yếu đến từ nhiệt điện và chỉ một phần nhỏ đến từ thủy điện. Sản lượng điện sản xuất hàng năm phần lớn vẫn được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng mua bán điện. Giá bán điện phụ thuộc tương đối nhiều vào chi phí nhiên liệu đầu vào (nhiên liệu khí đối với các nhà máy nhiệt điện khí và nhiên liệu than đối với các nhà máy nhiệt điện than). Doanh thu từ bán điện của Tổng công ty chịu ảnh hưởng rất lớn bởi hai yếu tố là sản lượng điện bán và giá nhiên liệu.

Doanh thu bán điện của PV Power năm 2014 đạt 24.107 tỷ đồng, năm 2015 đạt 21.825 tỷ đồng, năm 2016 đạt 27.209 tỷ đồng và 6 tháng 2017 đạt 14.940 tỷ đồng tăng 32,6% so với cùng kỳ 2016. Phần lớn doanh thu bán điện của PV Power đến từ 5 nhà máy điện là Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1. Do Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 và Vũng Áng 1 là chi nhánh trực thuộc của Công ty mẹ PV Power nên xét trong cơ cấu tổng doanh thu hợp nhất, đóng góp của Công ty mẹ vẫn chiếm đa số.

Năm 2014, sản lượng điện của PV Power giảm nhẹ mặc dù Nhà máy thủy điện ĐakĐrinh bắt đầu đi vào hoạt động và đóng góp thêm 354 triệu kWh do các Nhà máy điện Cà Mau 1&2 thực hiện đại tu, đồng thời nguồn khí đốt bị gián đoạn nên sụt giảm công suất. Mặc dù vậy, doanh thu bán điện trong năm vẫn tăng nhẹ nhờ vào việc doanh thu của Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tăng mạnh (Nhơn Trạch 2 tăng thêm 1.200 tỷ đồng, Nhơn Trạch 1 tăng thêm 400 tỷ đồng). Việc tăng doanh thu của Nhơn Trạch 2 một phần do được hồi tố doanh thu cho các giai đoạn trước với số tiền hơn 650 tỷ đồng.

Năm 2015 lại chứng kiến xu hướng ngược lại. Mặc dù sản lượng điện tăng mạnh lên trên 17,6 tỷ kWh, tức tăng gần 10% so với 2014 nhưng doanh thu bán điện lại giảm trên 2.000 tỷ đồng. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do trong năm 2015, giá dầu giảm mạnh khiến cho giá khí thiên nhiên bán cho các nhà máy điện Cà Mau 1, Cà Mau 2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 làm nguyên liệu đầu vào đều giảm, giá bán điện của các nhà máy do đó cũng giảm theo, trong đó giảm mạnh nhất là Cà Mau 1&2 từ 1.631 VND/kWh xuống chỉ còn 1.141 VND/kWh. Ngoài việc giá bán điện giảm, trong năm 2015, Nhơn Trạch 2 cũng ghi giảm khoản doanh thu do hồi tố giá khí với EVN/EPTC số tiền 317 tỷ đồng nên doanh thu bị giảm tương ứng. Năm 2015, Công ty mẹ ghi nhận khoản doanh thu hồi tố 1.044 tỷ đồng của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.

Năm 2016, PV Power bắt đầu ghi nhận doanh thu bán điện từ Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 nên doanh thu tăng mạnh hơn 4.980 tỷ đồng.

Sáu tháng đầu năm 2017, doanh thu tăng 32,1% so với cùng kỳ năm 2016, chủ yếu do tăng trưởng từ doanh thu bán điện.

b) Lợi nhuận gộp

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp PV Power hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2014		2015		2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bán điện	3.727.908	99,74	5.061.270	96,81	3.637.646	96,17	2.224.941	99,48
2	Cung cấp dịch vụ	5.182	0,14	156.824	3,00	109.394	2,89	786	0,04
3	Bán hàng hóa	4.317	0,12	8.517	0,16	12.366	0,33	7.337	0,33
4	Xây lắp	276	0,01	1.005	0,02	23.154	0,61	-	-
5	Bất động sản	-	-	548	0,01	-	-	3.444	0,15
	Tổng lợi nhuận gộp	3.737.682	100	5.228.164	100	3.782.550	100	2.236.508	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 6 tháng 2017 của PV Power

Ghi chú: Tổng lợi nhuận gộp trong bảng trên đã tính ảnh hưởng của các khoản giảm trừ doanh thu 2015 và 2016 lần lượt là 833 triệu đồng và 10 triệu đồng.

Trong năm 2014, lợi nhuận gộp của PV Power cao hơn năm 2013 gần 1.000 tỷ đồng, nguyên nhân một phần từ lợi nhuận gộp của Nhơn Trạch 2 tăng mạnh, do việc Nhơn Trạch 2 được hồi tổ khoản doanh thu hơn 650 tỷ đồng trong khi không có chi phí gia tăng tương ứng đồng thời chi phí khấu hao máy móc thiết bị giảm 140 tỷ đồng (do giãn thời gian khấu hao máy móc thiết bị từ 10 năm lên thành 14 năm) nhưng giá điện vẫn tính theo hợp đồng PPA nên khấu hao giảm nhưng không ảnh hưởng đến doanh thu.

So với năm 2014, đến năm 2015, lợi nhuận gộp của Tổng công ty vẫn tiếp tục tăng mạnh nhờ đóng góp của các đơn vị thành viên. Trong đó, đáng chú ý là Nhơn Trạch 1 được hồi tổ hơn 1.044 tỷ đồng và ghi nhận tăng doanh thu khoản này, phần doanh thu gia tăng này đóng góp trực tiếp vào lợi nhuận gộp của toàn Tổng công ty.

Năm 2016, lợi nhuận gộp của PV Power giảm xuống còn 3.783 tỷ đồng (tương đương với mức giảm 27,65% so với năm 2015). Lợi nhuận gộp năm 2016 giảm do Nhà máy điện Vũng Áng 1 trong giai đoạn đầu vận hành còn chưa ổn định dẫn đến lỗ trong năm 2016 hơn 800 tỷ, đồng thời năm 2016 PV Power không có khoản doanh thu hồi tố 1.044 tỷ đồng như 2015.

Sáu tháng 2017, Lợi nhuận gộp PV Power đạt 2.237 tỷ đồng, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu do sự đóng góp từ hoạt động bán điện.

Mảng sản xuất và kinh doanh điện là nguồn lợi nhuận gộp chủ yếu và đóng góp phần lớn cho doanh thu của PV Power (khoảng từ 96% - 99% hàng năm). Các lĩnh vực khác đóng góp phần nhỏ lợi nhuận gộp cho Tổng công ty.

c) Cơ cấu tổng doanh thu

Bảng 13: Cơ cấu tổng doanh thu của PV Power hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2014		2015		2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.356.534	95,6	23.231.210	97,7	28.211.770	98,3	15.494.718	98,4
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.063.833	4,2	522.636	2,2	458.804	1,6	240.533	1,5
3	Thu nhập khác	69.040	0,3	13.255	0,1	21.393	0,1	6.962	0,04
	Tổng cộng	25.489.407	100	23.767.101	100	28.691.967	100	15.742.213	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của PV Power

Trong cơ cấu tổng doanh thu của PV Power hợp nhất, doanh thu đến từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn, từ 95,6% đến 98,4%. Doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ, từ 1,5% đến 4,2% và thu nhập khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

4.1.2. Hiệu quả kinh doanh:

Bảng 14: Một số chỉ số hiệu quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của PV Power

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	30/6/2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,32	0,94	1,02	1,03

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	30/6/2017
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,00	0,72	0,84	0,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	64%	63%	62%	57%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	180%	171%	160%	134%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,52	4,91	8,01	3,73
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,49	0,39	0,40	0,23
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,34%	11,02%	5,38%	6,81%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,70%	11,67%	5,71%	3,88%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,50%	4,25%	2,15%	1,57%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/DTT	%	11,74%	12,90%	6,03%	7,47%

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của PV Power

Năm 2014, lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty tăng mạnh nhờ các yếu tố tích cực về tỷ giá và hồi tố doanh thu. Dẫn đến ROE hợp nhất năm 2014 đạt 16,7%, tăng mạnh so với mức 3,82% của năm 2013.

Đến năm 2015, lợi nhuận sau thuế vẫn duy trì ở mức cao, tuy nhiên do Tổng công ty nhận bàn giao NMD Vũng Áng 1 vào thời điểm cuối năm tại 31/12/2015 nên vốn chủ sở hữu thời điểm cuối năm tăng gần 8.700 tỷ đồng, ROE trong năm chỉ đạt 11,67%. Nếu loại trừ phần vốn chủ tăng thêm này thì ROE 2015 đạt 14,54%.

Năm 2016, Tổng công ty bắt đầu ghi nhận doanh thu, chi phí từ NMD Vũng Áng. Tuy nhiên do trong thời điểm đầu vận hành, chi phí phát sinh cho các khoản vay cao (bao gồm chi phí lãi

vay, chi phí bảo lãnh khoản vay và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ các khoản vay bằng đồng ngoại tệ nên NMD Vũng Áng lỗ hơn 800 tỷ trong năm 2016 (Hoạt động tài chính của NMD Vũng Áng 1 lỗ khoảng 940 tỷ đồng năm 2016), dẫn đến ROE năm 2016 giảm mạnh.

Sáu tháng đầu năm 2017, Tổng công ty đạt ROE ở mức 3,88%.

Các chỉ số nợ của PV Power có xu hướng giảm do Tổng công ty đang trong giai đoạn hoạt động ổn định, đầu ra được đảm bảo và có dòng tiền ổn định để thanh toán nợ.

4.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh của PV Power bao gồm: (i) chi phí giá vốn hàng bán (ii) chi phí tài chính (iii) chi phí bán hàng (iv) chi phí quản lý doanh nghiệp và (v) chi phí khác. Cơ cấu chi phí hoạt động của PV Power trong giai đoạn trước cổ phần hóa được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 15: Cơ cấu chi phí SXKD của PV Power hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT
1	Chi phí giá vốn hàng bán	20.618.851	84,65%	18.002.214	77,49%	24.429.210	86,59%	13.258.210	85,57%
2	Chi phí tài chính	1.516.135	6,22%	1.698.824	7,31%	1.798.363	6,37%	959.529	6,19%
3	Chi phí bán hàng	2.652	0,01%	17.083	0,07%	17.072	0,06%	8.293	0,05%
4	Chi phí QLDN	399.065	1,64%	990.769	4,26%	738.774	2,62%	316.944	2,05%
5	Chi phí khác	16.380	0,07%	6.965	0,03%	27.497	0,10%	2.905	0,02%
	Tổng cộng	22.553.083	92,60%	20.715.855	89,17%	27.010.916	95,74%	14.545.881	93,88%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của PV Power

Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của Tổng công ty (trên dưới 90% tổng chi phí hợp nhất của PV Power), tiếp theo là chi phí tài chính (chiếm tỷ trọng từ 6%-8% trong tổng chi phí hợp nhất), các chi phí còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ.

Chi phí giá vốn:

Chi phí giá vốn chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu sản xuất điện như than, dầu, khí...chiếm trung bình hàng năm khoảng 85% doanh thu. Năm 2015, chi phí giá vốn chỉ chiếm hơn 77%

do chi phí nhiên liệu giảm mạnh và Nhơn Trạch 1 ghi nhận thêm doanh thu hồi tố O&M hơn 1.044 tỷ đồng.

Chi phí tài chính:

Chi phí tài chính là khoản chi phí lớn nhất của PV Power sau chi phí giá vốn hàng bán. Trong giai đoạn từ 2014-2016 và 6 tháng 2017, chi phí tài chính của PV Power lần lượt là 1.516 tỷ đồng, 1.699 tỷ đồng, 1.798 tỷ đồng và 960 tỷ đồng. Chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá là hai khoản chi phí tài chính chủ yếu. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2015, lỗ chênh lệch tỷ giá là 1.843 tỷ đồng, trong đó lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ khoản vay có gốc ngoại tệ NMD Vũng Áng 1 là 1.129 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp PV Power thực hiện điều chỉnh giảm 1.129 tỷ đồng lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ của dự án NMD Vũng Áng 1 nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo biên bản thanh tra của Bộ Tài chính nên còn 714 tỷ đồng.

Chi phí lãi vay của Tổng công ty trong 3 năm từ 2014-2016 và 6 tháng 2017 lần lượt là 1.199 tỷ đồng, 864 tỷ đồng, 1.330 tỷ đồng và 692 tỷ đồng. Chi phí lãi vay tăng mạnh trong năm 2016 là do Tổng công ty nhận NMD Vũng Áng 1 và ghi nhận thêm hơn 17.000 tỷ đồng nợ ngân hàng từ ngày 31/12/2015, lãi vay của các khoản nợ này khoảng 736 tỷ đồng trong năm 2016.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Hoạt động chính của PV Power là sản xuất và kinh doanh điện nên chi phí bán hàng rất thấp. Tổng công ty ghi nhận chi phí bán hàng trong các năm 2014-2016 và 6 tháng 2017 chỉ là 2,7 tỷ đồng, 17,1 tỷ đồng, 17,1 tỷ đồng và 8,3 tỷ đồng, chiếm dưới 0,1% doanh thu do đặc thù hoạt động bán điện. Chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt là 399 tỷ đồng, 991 tỷ đồng, 739 tỷ đồng và 317 tỷ đồng. Nhìn chung, chi phí quản lý doanh nghiệp không có nhiều biến động giữa các năm và trung bình hàng năm là hơn 600 tỷ đồng. Năm 2015, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh do phát sinh các chi phí như: Tổng công ty thực hiện trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ nhân viên (bao gồm cả cán bộ nhân viên tại chi nhánh Hà Tĩnh) và chi công tác an sinh xã hội.

4.1.4. Nguyên vật liệu

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất điện của PV Power là khí khô và than. Thuận lợi lớn nhất của Tổng công ty đó là nguồn khí cho sản xuất do các đơn vị trong PVN cung cấp lại gần với nhà máy. Ngoài ra, Tổng công ty cũng có PV Power Coal thực hiện cung cấp than cho các nhà máy điện than của PV Power.

Về nguyên liệu khí

Nhiên liệu chính cho các nhà máy điện khí của PV Power, bao gồm Điện Cà Mau, Điện Nhơn Trạch 1, Điện Nhơn Trạch 2 là khí thiên nhiên, được cung cấp bởi PVGas thông qua hệ thống đường ống kéo dài từ mỏ khí ngoài biển đến nhà máy chế biến, sơ chế khí trước khi đến trực tiếp nhà máy và được sử dụng tại đây.

Thời gian vừa qua, PV Power đã gặp phải một số khó khăn do nguồn khí thường xuyên bị gián đoạn, hụt áp làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của 2 nhà máy điện Cà Mau. Năm 2014, đã xảy ra 34 sự cố, 234 lần giảm áp do áp suất khí giảm. Năm 2015 xảy ra 43 sự cố khí, 368 lần giảm áp do áp suất khí giảm. Trong thời gian tới, nguồn cấp khí của Nhà máy Cà Mau 1&2 có thể gặp khó khăn hơn nữa do phải tìm kiếm thêm nguồn cung cấp mới.

Về nguyên liệu than

Than cho NMD Vũng Áng 1 tiêu thụ khoảng 3,2 triệu tấn/năm, được lấy từ các mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả (80%), Vàng Danh (20%) tại tỉnh Quảng Ninh, được vận chuyển bằng đường biển đến cảng nhập than của nhà máy. Ngoài ra, than còn được nhập thêm bằng đường bộ.

Cảng nhập than được thiết kế cho tàu có trọng tải đến 30.000 tấn. Than từ cảng than qua các thiết bị bốc dỡ than kiểu trục vít có công suất 2400 tấn/h và được vận chuyển vào kho than hở thông qua hệ thống băng tải than và máy đánh đồng hoặc vận chuyển trực tiếp lên các bunker than để cấp vào lò. Than từ kho than được phối trộn qua các máy phá đồng than kiểu lưỡi cào, hệ thống băng tải than, tháp chuyển và cấp lên bunker thông qua hệ thống rót than vào bunker. Trên các thiết bị băng tải than có lắp các thiết bị tách sắt và vật liệu từ tính, cân than, giám sát độ ẩm, hệ thống lấy mẫu than để giám sát chất lượng than nhập. Dung tích kho than được thiết kế đảm bảo đủ chứa than cho khoảng 30 ngày vận hành, bunker than đủ chứa than cho 8 tiếng vận hành liên tục.

Về nguyên liệu dầu

Đối với Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1: Dầu HFO là nhiên liệu được sử dụng khi khởi động nhà máy hoặc khi nhà máy hoạt động ở tải thấp (dưới 30% chỉ đốt dầu, từ 30-60% thì đốt kèm than, dầu). Hàng năm, theo dự kiến thì Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 tiêu thụ khoảng 14.000 tấn dầu FO 2B.

Đối với nhiệt điện khí Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1: trong trường hợp nguồn cung cấp khí bị gián đoạn, dầu Diesel có thể được sử dụng làm nhiên liệu thay thế.

Nguồn nguyên vật liệu của PV Power chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố sau:

- Sự biến động giá dầu và giá than trên thế giới
- Ảnh hưởng của thiên tai (bão lụt, hạn hán, cháy rừng...)
- Biến động của tỷ giá ngoại tệ

Các biến động của nguồn nguyên vật liệu đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD, doanh thu và lợi nhuận của PV Power.

4.1.5. Trình độ công nghệ

PV Power thực hiện tốt việc đa dạng hóa nguồn điện với các nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, nhiệt điện than, thủy điện. Đầu năm 2015, Tổng công ty đã tiếp nhận quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1 (công suất 2x600 MW) với công nghệ hiện đại, có công suất tổ máy lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Tất cả các nhà máy điện PV Power đang quản lý vận hành đều sử dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất vào thời điểm lắp đặt, thân thiện với môi trường. Là đơn vị đi đầu trong cả nước về lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, lực lượng cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật vận hành và sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện đang từng bước trưởng thành, làm chủ công nghệ, vận hành hiệu quả thiết bị máy móc hiện đại, dần dần thay thế nhà thầu nước ngoài trong sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và đã chủ động đảm đương thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên cho các nhà máy điện của PV Power.

4.1.6. Công tác Nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ Khoa học – Công nghệ, Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

a) Trình độ công nghệ và nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ

Trong các năm qua, PV Power đã có nhiều hoạt động về nghiên cứu và ứng dụng Khoa học-Công nghệ, bao gồm: Liên kết, hợp tác với các Hội, đơn vị chuyên ngành điện như Hội Điện lực, Hội Năng lượng, Viện Dầu khí; Biên soạn các quy trình, quy chuẩn, trao đổi, học hỏi nâng cao khả năng trong công tác cố vấn, phản biện và thực hiện nghiên cứu khoa học; Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện về Khoa học công nghệ với Viện Dầu khí Việt Nam, Hội Điện lực Việt Nam; Phối hợp với các đơn vị chuyên ngành điện tổ chức các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành nhằm chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm.

Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật (gọi chung là KHCN, SK) đã luôn được Tổng công ty quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Đồng thời, PV Power cũng có các chỉ thị kêu gọi phát huy sáng kiến, áp dụng nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất kinh doanh. Do đó, hầu hết người sử dụng lao

động và người lao động trong toàn Tổng công ty đã nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác KHCN, SK trong tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ được thực hiện và quản lý hợp lý, hiệu quả.

Bộ máy quản lý công tác KHCN, SK được tổ chức theo hệ thống thống nhất từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên. Đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ và Hội đồng Sáng kiến các cấp với vai trò, nhiệm vụ cụ thể tương ứng từng cấp.

Trong công tác KHCN, PV Power đã tự thực hiện cũng như phối hợp với các đơn vị trong/ngoài ngành để thực hiện và phân bổ nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Một số đề tài nghiên cứu khoa học có ý nghĩa trực tiếp phục vụ công việc hiện tại như:

- Nghiên cứu mô hình đào tạo lực lượng quản lý kỹ thuật, vận hành các nhà máy nhiệt điện than của Tổng công ty.
- Xây dựng quy tắc chuẩn hóa mã cơ sở dữ liệu thông tin kỹ thuật vật tư nhà máy điện.
- Tính toán kiểm tra khả năng giải tỏa công suất của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng giai đoạn 2015-2016.

PV Power đã nghiên cứu các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu năng sản xuất của các nhà máy như: Công nghệ phun sương nâng công suất; Sử dụng lọc HEPA thay cho lọc lọc F7; Áp dụng triệt để các giải pháp kỹ thuật hiện đại, xây dựng quy trình tin cậy đối với công tác O&M các Nhà máy điện; Làm chủ hoàn toàn công tác vận hành và một phần công tác sửa chữa các Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp.

Đến nay, PV Power đã có hàng trăm sáng kiến cấp cơ sở và 84 sáng kiến cấp Tổng công ty, đóng góp một phần không nhỏ trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, cũng như trong công cuộc thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Nổi bật trong đó là sáng kiến “Hệ thống chống tạo bọt trước bơm làm mát”. Một số sáng kiến có số tiền làm lợi lên đến 20 tỷ đồng như:

- Sáng kiến “Vệ sinh vòi đốt tuabin khí V94.3A bằng sóng siêu âm kết hợp với hóa chất” của tập thể cán bộ Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Sáng kiến tận dụng điều kiện địa chất tối đa “Bỏ bê tông áo hầm dẫn dòng thi công” của tập thể cán bộ Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Bên cạnh đó, PV Power cũng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới nhất của IT vào quản lý, vận hành, sửa chữa để giảm chi phí, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác sản xuất kinh

doanh.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Để phát triển nguồn nhân lực, PV Power tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực, kỹ năng trong giải quyết công việc, bao gồm các hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng công tác, đào tạo nâng bậc và tái đào tạo, đào tạo ngoại ngữ...

Công tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực vận hành cho các dự án Nhà máy điện đáp ứng được yêu cầu công việc góp phần vào việc tiếp nhận và quản lý vận hành các Nhà máy điện đảm bảo an toàn, hiệu quả. Từ năm 2012 đến năm 2015, PV Power đã tổ chức triển khai tuyển dụng và đào tạo nhân lực vận hành, bảo dưỡng cho các dự án Nhà máy điện do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ Tổng công ty/ Đơn vị thành viên của Tổng công ty làm chủ đầu tư với tổng số 616 cán bộ công nhân viên.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các nhà máy điện được lãnh đạo PV Power luôn quan tâm và chỉ đạo sát sao nhằm tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng có thể sử dụng kế thừa tại các dự án do PV Power quản lý vận hành. PV Power điều động cán bộ kỹ thuật nòng cốt tại các Nhà máy điện Cà Mau và Nhơn Trạch 1 để làm nòng cốt trong công tác đào tạo và quản lý vận hành Nhà máy điện tại Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1...

Công tác đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia: Đã xây dựng và triển khai Đề án đào tạo chuyên sâu tiến tới công nhận chuyên gia lĩnh vực vận hành bảo dưỡng Nhà máy điện cho 50 cán bộ kỹ thuật nòng cốt; Đề án đào tạo chuyên sâu lĩnh vực nhập khẩu, xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng than với số lượng 27 cán bộ.

4.1.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện tại PV Power đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do tập đoàn BSI cấp chứng nhận.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hiện nay đang được áp dụng, quản lý và duy trì như sau:

- Ban chỉ đạo ISO thực hiện xây dựng, duy trì và phát triển Hệ thống.

- Tổng công ty tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ 2 lần/năm; Đơn vị cấp chứng nhận tổ chức đánh giá giám sát 1 lần/năm để đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng và nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp (nếu có) để khắc phục, cải tiến Hệ thống cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

4.1.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế bản quyền



Hiện tại, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đang sở hữu và khai thác bản quyền, nhãn hiệu hàng hóa đã đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và ủy quyền cho PV Power sử dụng: chữ PETROVIETNAM, hình ngọn lửa và chữ PVPOWER.

4.1.9. Các hợp đồng kinh tế lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Tình hình ký kết các Hợp đồng mua bán điện (PPA) như sau:

a) Nhà máy điện Cà Mau 1&2

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1 và Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 2 số 01/ĐLDKCM-EVN-2008 ký ngày 08/01/2008 giữa Tập đoàn Điện lực Việt nam và Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Cà Mau. Thời hạn: 20 năm kể từ ngày vận hành kinh doanh. Một phần sản lượng điện (khoảng 20MW) của Nhà máy điện Cà Mau 2 được dành để bán cho Nhà máy Đạm Cà Mau.
- Các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung:
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 27/3/2009;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ký ngày 29/12/2009;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ký ngày 01/4/2011;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ký ngày 30/12/2011.

b) Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

- Hợp đồng mua bán điện nhà máy Nhơn Trạch 1 Số 07/2012/ HĐ-NMĐ-NT1, ký ngày 09/7/2012. Hiệu lực từ ngày 01/5/2012 đến (i) ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc (ii) 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.
- Các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung:
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 29/5/2012;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ký ngày 18/4/2014;
 - Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ký ngày 09/1/2014;

- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ký ngày 11/12/2015;
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 ký ngày 31/12/2015;
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06 ký ngày 19/11/2016;
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07 ký ngày 27/12/2016.

c) Nhà máy điện Vũng Áng 1

- Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Vũng Áng 1 số 02/2016/HĐ-NMĐ-VA1, ký ngày 17/8/2016. Hợp đồng có hiệu lực từ 0h00 ngày 01/01/2016 đến (i) ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc (ii) 10 năm kể từ ngày vận hành thương mại của nhà máy.

4.1.10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của PV Power

a) Cơ cấu tài sản hợp nhất

Bảng 16: Bảng cân đối kế toán hợp nhất PV Power

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	30/6/2017
Tổng tài sản	49.180	71.283	69.732	64.588
Tài sản ngắn hạn	15.039	16.016	18.519	15.415
Tiền & tương đương tiền	5.518	6.073	4.671	3.601
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55	150	60	583
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.560	5.848	10.230	7.351
Hàng tồn kho	3.635	3.701	3.347	3.771
Tài sản ngắn hạn khác	271	244	211	109
Tài sản dài hạn	34.141	55.267	51.214	49.173
Giá trị TSCĐ	25.646	51.115	48.068	45.993
Đầu tư tài chính dài hạn	855	781	931	900
Tài sản dài hạn khác	7.640	3.371	2.215	2.280
Tổng nguồn vốn	49.180	71.283	69.732	64.588
Nợ ngắn hạn	11.417	17.043	18.078	15.023
Vay và nợ ngắn hạn	3.726	6.651	5.888	5.956
Nợ dài hạn	20.209	27.913	24.858	21.934
Vay và nợ dài hạn	19.675	27.074	24.669	21.710

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	30/6/2017
Vốn chủ sở hữu	17.554	26.327	26.797	27.631
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.107	21.774	21.774	21.774

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của PV Power

Về tăng trưởng tài sản: Hoạt động kinh doanh chủ yếu của PV Power là sản xuất và kinh doanh điện. Hoạt động kinh doanh này có đặc điểm là tài sản chỉ tăng trưởng trong các năm Tổng công ty có thực hiện đầu tư lớn, ngoài các năm đó, tài sản thường giảm đi do giảm khấu hao tài sản cố định và trả nợ gốc vay. Năm 2014, tổng tài sản của Tổng công ty giảm nhẹ từ trên 51 nghìn tỷ xuống còn trên 49 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2015, tổng tài sản tăng mạnh lên trên 71 nghìn tỷ đồng do PV Power nhận bàn giao Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 từ PVN. Năm 2016, tổng tài sản Tổng công ty đạt hơn 69 nghìn tỷ, giảm nhẹ so với năm 2015 chủ yếu do khấu hao TSCĐ trong sử dụng. Tại thời điểm 30/6/2017 tổng tài sản của Tổng công ty giảm xuống còn hơn 64,5 nghìn tỷ.

Về cơ cấu tài sản: với đặc điểm kinh doanh như trên, phần lớn tài sản của Tổng công ty là tài sản cố định (bao gồm nhà cửa, máy móc, vật kiến trúc), thường chiếm trên 50% tổng tài sản của Tổng công ty. Khi có các dự án mới đi vào hoạt động, tỷ trọng tài sản cố định sẽ còn lớn hơn (năm 2015 là hơn 70%). Ngoài ra, một số tài sản khác cũng chiếm tỷ trọng lớn như tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng.

Về cơ cấu nguồn vốn: trong cơ cấu nguồn vốn của PV Power, nợ phải trả thường chiếm khoảng 65% tổng nguồn vốn, trong đó nợ ngắn hạn chiếm khoảng 35%, nợ dài hạn là 65%. Thông thường, nếu Tổng công ty không thực hiện các dự án mới thì nợ dài hạn sẽ được trả dần, làm giảm tỷ trọng nợ dài hạn trong cơ cấu nguồn vốn. Tính đến 30/6/2017, tổng nợ phải trả của Tổng công ty khoảng 36,96 nghìn tỷ đồng, chiếm 57,2% tổng nguồn vốn, trong đó nợ dài hạn là 21,93 nghìn tỷ đồng.

Về nguồn vốn chủ sở hữu: năm 2015, do nhận bàn giao Nhà máy điện Vũng Áng 1 nên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tăng mạnh lên hơn 26 nghìn tỷ đồng, trong đó, phần vốn góp chủ sở hữu là 21,7 nghìn tỷ đồng.

b) Tình hình vay nợ hợp nhất

Vay dài hạn của PV Power và các công ty con chủ yếu là để tài trợ cho việc đầu tư các dự án nhà máy điện, vay ngắn hạn chủ yếu là các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm, còn một

phần rất nhỏ là các khoản vay ngắn hạn từ các công ty con: Công ty CP Thủy điện Bắc Kạn, Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật ĐLĐK (PVPS), Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí (PV Machino). Các khoản vay ngắn hạn tính đến 30/6/2017 là 5.956 tỷ đồng trong đó khoảng 5.826 tỷ đồng là các khoản nợ dài hạn đến hạn trả.

Với tình hình tài chính hiện tại PV Power chưa cần vay vốn lưu động phục vụ thanh toán chi phí nhiên liệu cho các NMD và các chi phí hoạt động khác.

c) *Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Bảng 17: Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất PV Power

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	6 tháng 2017
1	Tổng giá trị tài sản	49.180	71.283	69.732	64.588
2	Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	17.554	26.327	26.797	27.631
3	Nợ vay ngắn hạn	3.726	6.651	5.888	5.956
3.1	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	0	0	0	0
4	Nợ vay dài hạn	19.675	27.074	24.669	21.710
4.1	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	0	0	0	0
5	Nợ phải thu khó đòi	207	360	269	267
6	Tổng số lao động (số người bình quân)	1.627	2.127	2.260	2.275
7	Tổng quỹ lương (tỷ đồng)	379	528	572	204
8	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	22,4	24,6	24	18,4
9	Tổng doanh thu	25.489	23.767	28.692	15.742
10	Tổng chi phí	22.553	20.716	27.011	14.546
11	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.738	5.228	3.783	2.237
12	Lợi nhuận trước thuế	2.913	3.003	1.696	1.161
13	Lợi nhuận sau thuế	2.761	2.560	1.517	1.056
14	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	16,70%	11,67%	5,71%	3,88%

Nguồn: PV Power và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của PV Power

4.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - PV Power trước cổ phần hóa

4.2.1. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm

a) Cơ cấu doanh thu

Bảng 18: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ - PV Power

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2014		2015		2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán điện	16.078.693	99,76	14.134.989	96,81	18.209.781	99,79	10.868.898	99,98
2	Doanh thu cung ứng than	7.842	0,05	-	-	-	-	-	-
3	Doanh thu dịch vụ	30.447	0,19	466.158	3,19	38.212	0,21	2.492	0,02
	Tổng cộng	16.116.983	100	14.601.146	100	18.247.994	100	10.871.391	100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 6 tháng 2017 của Công ty mẹ - PV Power

Trong năm 2014, doanh thu của PV Power giảm 744 tỷ đồng so với năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu của việc giảm doanh thu năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 là do giảm sản lượng điện. Sản lượng điện giảm là do các nhà máy điện của Công ty mẹ gặp các khó khăn trong quá trình sản xuất: (i) Nhà máy điện Cà Mau chịu ảnh hưởng bởi sự cố giàn khí MP3 và ngừng máy đại tu tại 50.000 giờ EOH từ 1/7/2014 đến 28/8/2014 và (ii) Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 có thời gian ngừng máy khắc phục sự cố tổ máy, khắc phục sửa chữa bơm tuần hoàn và xử lý bất thường van điều áp.

Đến năm 2015, giá khí đầu vào của các nhà máy giảm mạnh, làm cho doanh thu của Tổng công ty trong năm chỉ đạt 14,6 nghìn tỷ đồng, giảm 10% so với năm 2014 mặc dù sản lượng điện trong năm tăng mạnh: Cà Mau 1&2 tăng từ dưới 7,5 tỷ kWh lên thành 7,9 tỷ kWh, Nhơn Trạch 1 từ 2,8 tỷ kWh lên trên 3,3 tỷ kWh. Năm 2015, PV Power ghi nhận khoản doanh thu hồi tố của Nhơn Trạch 1 là 1.044 tỷ đồng.

Trong năm 2016, Tổng công ty ghi nhận doanh thu từ nhà máy điện Vũng Áng dẫn đến doanh thu của PV Power trong năm 2016 đạt hơn 18.248 tỷ đồng tương ứng với 125% doanh thu cả năm 2015.

Sáu tháng đầu năm 2017 Tổng công ty đạt doanh thu 10.871 tỷ đồng, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm 2016, chủ yếu là do đóng góp từ việc doanh thu bán điện tăng.

Công ty mẹ PV Power hiện đang quản lý trực tiếp 4 nhà máy điện là Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 và Vũng Áng 1. Các nhà máy điện là nguồn doanh thu chủ yếu cho Tổng công ty.

b) Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 19: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ - PV Power

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2014		2015		2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động bán điện	1.530.463	99,38	3.005.890	97,92	1.817.053	98,97	1.195.577	99,81
2	Hoạt động cung ứng than	136	0,01	-	-	-	-	-	-
3	Hoạt động dịch vụ kỹ thuật điện	9.336	0,61	63.911	2,08	18.856	1,03	2.275	0,19
	Tổng cộng	1.539.935	100	3.069.800	100	1.835.910	100,00	1.197.853	100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 6 tháng 2017 của Công ty mẹ - PV Power

Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ trong năm 2014 không biến động nhiều so với năm 2013 mặc dù doanh thu giảm đi. Trong năm 2015, do Nhơn Trạch 1 được ghi nhận khoản hồi tố O&M tới hơn 1.044 tỷ đồng, đồng thời sản lượng điện của các nhà máy tăng mạnh nên lợi nhuận gộp của Công ty mẹ tăng từ 1.539 tỷ đồng lên 3.070 tỷ đồng. Năm 2016 không ghi nhận các khoản doanh thu đột biến như năm 2015 nên lợi nhuận gộp trong năm đạt 1.836 tỷ đồng tương đương 60% lợi nhuận gộp của năm 2015 và 119% năm 2014. Sáu tháng đầu năm 2017, lợi nhuận gộp có sự cải thiện đáng kể khi tăng hơn 36% so với 6 tháng 2016 và đạt 1.198 tỷ đồng.

c) Cơ cấu tổng doanh thu

Bảng 20: Cơ cấu tổng doanh thu của Công ty mẹ - PV Power

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2014		2015		2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.116.983	95,72	14.601.146	94,06	18.247.994	95,81	10.871.391	96,28
2	Doanh thu hoạt động tài chính	704.674	4,19	916.649	5,90	786.455	4,13	415.966	3,68
3	Thu nhập khác	15.461	0,09	6.110	0,04	11.460	0,06	3.735	0,03

STT	Năm Chỉ tiêu	2014		2015		2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng cộng	16.837.118	100	15.523.905	100	19.045.909	100	11.291.092	100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 6 tháng 2017 của Công ty mẹ - PV Power

Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty mẹ - PV Power (trên 94% tổng doanh thu). Doanh thu hoạt động tài chính mà chủ yếu là từ lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết chỉ đóng góp khoảng từ 1,2% - 5,9% trong vào cơ cấu tổng doanh thu của Công ty mẹ - PV Power.

4.2.2. Hiệu quả kinh doanh:

Bảng 21: Các chỉ tiêu kết quả hoạt động Công ty mẹ PV Power

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	30/6/2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,69	0,82	0,98	1,01
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,60	0,76	0,92	0,91
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	48%	55%	53%	49%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	92%	124%	114%	97%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20,62	20,81	26,62	13,15
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,56	0,38	0,37	0,23
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,65%	14,66%	5,15%	7,63%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,95%	11,74%	4,15%	3,59%

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	30/6/2017
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,26%	5,55%	1,90%	1,75%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/DTT	%	8,49%	17,22%	5,70%	8,23%

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 6 tháng 2017 của Công ty mẹ - PV Power

Lợi nhuận gộp năm 2014 đạt 1.540 tỷ đồng, tăng không đáng kể so với năm 2013. Tuy nhiên, hoạt động tài chính năm 2014 đã có lãi 65 tỷ đồng (năm 2013, hoạt động tài chính lỗ 631 tỷ đồng) do vậy lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng 644 tỷ so với năm 2013 (Năm 2014 đạt trên 1.233 tỷ đồng và năm 2013 đạt 589 tỷ đồng). ROE trong năm 2014 đạt 8,95%.

Năm 2015, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng gần 450 tỷ từ 237 tỷ lên đến hơn 689 tỷ do Công ty mẹ phát sinh các khoản lập Quỹ phát triển KHCN 63 tỷ đồng, chi mua bảo hiểm nhân thọ trả sau cho cán bộ nhân viên (bao gồm cả chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV chi nhánh Hà Tĩnh), phát sinh chi phí quản lý tại Chi nhánh Hà Tĩnh và phát sinh thêm chi phí công tác an sinh xã hội 70 tỷ đồng so với năm 2014. Năm 2014 cũng là năm cuối cùng NMD Nhon Trạch 1 được áp dụng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp khiến chi phí thuế năm 2015 tăng 225 tỷ đồng so với năm 2014. Các yếu tố về tỷ giá, chi phí quản lý, và thuế không thuận lợi, tuy nhiên khoản hồi tố doanh thu hơn 1.044 tỷ đồng của NMD Nhon Trạch 1 khiến lợi nhuận sau thuế PV Power tăng mạnh từ 1.232 tỷ đồng lên 2.141 tỷ đồng. Lợi nhuận tăng mạnh, tuy nhiên vốn chủ sở hữu cũng tăng 8.666 tỷ do Tổng công ty nhận bàn giao nhà máy điện Vũng Áng 1 (vẫn chưa đem lại lợi nhuận) nên ROE trong năm 2015 chỉ tăng lên 11,74% so với 8,95% năm 2014. Do vốn chủ sở hữu tăng vào thời điểm 31/12/2015 nên không đóng góp vào việc tạo ra lợi nhuận của năm 2015. Nếu loại trừ yếu tố tăng vốn chủ sở hữu này thì ROE 2015 là 14,54%.

Năm 2016, Tổng công ty bắt đầu ghi nhận doanh thu chi phí từ NMD Vũng Áng. Tuy nhiên do trong thời điểm đầu vận hành, chi phí phát sinh cho các khoản vay cao (bao gồm chi phí lãi vay, chi phí bảo lãnh khoản vay và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ các khoản vay bằng đồng ngoại tệ) nên NMD Vũng Áng lỗ hơn 800 tỷ trong năm 2016 (hoạt động tài chính của NMD Vũng Áng 1 lỗ khoảng 940 tỷ đồng năm 2016), dẫn đến ROE năm 2016 giảm mạnh.

Sáu tháng đầu năm 2017, Tổng công ty đạt hơn 829 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2016. ROE 6 tháng 2017 Tổng công ty đạt mức 3,59%.

Các chỉ số nợ của PV Power có xu hướng giảm do Tổng công ty đang trong giai đoạn hoạt động ổn định, đầu ra được đảm bảo và có dòng tiền ổn định để thanh toán nợ. Năm 2015, các chỉ số có xu hướng tăng so với năm 2014 do phát sinh khoản vay từ NMDP Vũng Áng 1 tuy nhiên vẫn ở mức an toàn. Trong năm 2016 và 6 tháng 2017, Tổng công ty đã thanh toán một phần nợ dài hạn nên các chỉ số đều giảm so với năm 2015.

4.2.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Nhìn chung, do Công ty mẹ - PV Power có hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là sản xuất và kinh doanh điện nên có cơ cấu chi phí tương đối giống nhau qua các năm với giá vốn hàng bán là chi phí lớn nhất, sau đó là chi phí tài chính.

Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ trong giai đoạn 2014-2016 và 6 tháng 2017 như sau:

Bảng 22: Cơ cấu chi phí công ty mẹ - PV Power

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Năm Chỉ tiêu	2014		2015		2016		6 tháng 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT
1	Chi phí giá vốn hàng bán	14.577	90,44%	11.531	78,97%	16.412	89,94%	9.674	88,99%
2	Chi phí tài chính	639	3,96%	784	5,37%	1.136	6,23%	563	5,18%
3	Chi phí bán hàng	0,05	0,00%	-	-	-	-	-	-
4	Chi phí QLDN	237	1,47%	689	4,72%	446	2,44%	156	1,43%
5	Chi phí khác	14	0,09%	3	0,02%	18	0,10%	2	0,02%
	Tổng cộng	15.467	95,97%	13.007	89,08%	18.012	98,71%	10.395	95,62%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 6 tháng 2017 của Công ty mẹ - PV Power

4.2.4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ - PV Power

a) Cơ cấu tài sản Công ty mẹ - PV Power

Bảng 23: Bảng cân đối kế toán Công ty mẹ - PV Power 2013 - 2016

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	30/6/2017
----------	----------	----------	----------	-----------

Tổng tài sản	26.930	50.277	48.590	46.301
Tài sản ngắn hạn	7.848	8.522	9.832	9.111
Tiền & tương đương tiền	4.373	4.358	2.927	2.697
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50	50	50	50
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.967	3.319	6.232	5.368
Hàng tồn kho	426	682	551	920
Tài sản ngắn hạn khác	34	113	73	75
Tài sản dài hạn	19.081	41.755	38.757	37.190
Giá trị TSCĐ	8.389	35.080	31.844	30.301
Đầu tư tài chính dài hạn	5.718	5.674	5.650	5.582
Tài sản dài hạn khác	4.974	1.001	1.263	1.307
Tổng nguồn vốn	26.930	50.277	48.590	46.301
Nợ ngắn hạn	4.638	10.373	10.047	9.003
Vay và nợ ngắn hạn	1.924	4.488	4.066	4.063
Nợ dài hạn	8.283	17.434	15.801	13.769
Vay và nợ dài hạn	7.758	16.664	15.693	13.650
Vốn chủ sở hữu	14.009	22.471	22.741	23.529
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.107	21.774	21.774	21.774

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 6 tháng 2017 của Công ty mẹ - PV Power

Tăng trưởng tài sản: Tổng tài sản của PV Power giảm từ 31 nghìn tỷ năm 2013 xuống còn gần 27 nghìn tỷ năm 2014 do trong năm Công ty mẹ không thực hiện đầu tư mới và trích khấu hao làm giảm giá trị tài sản trong quá trình sử dụng (đồng thời giảm dư nợ gốc vay do Tổng công ty thực hiện trả nợ theo đúng lịch cam kết). Năm 2015, Công ty mẹ nhận bàn giao Nhà máy điện Vũng Áng 1 nên tổng tài sản tăng lên trên 50 nghìn tỷ đồng. Năm 2016, tổng tài sản giảm do khấu hao TSCĐ trong quá trình sử dụng. Tại thời điểm 30/6/2017, tổng tài sản tiếp tục giảm còn hơn 46 nghìn tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản: Tương tự với hợp nhất Tổng công ty, tài sản dài hạn của Công ty mẹ PV Power chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng tài sản, trung bình chiếm trên 75% tài sản. Tại thời điểm 31/12/2015, do Công ty mẹ mới nhận bàn giao nhà máy điện Vũng Áng 1, tài sản dài hạn

(trong đó chủ yếu là tài sản cố định) tăng nhanh chóng và tỷ trọng trong tổng tài sản tăng lên mức 83%.

Cơ cấu nguồn vốn: Các nhà máy điện của PV Power đã đi vào hoạt động ổn định và thực hiện trả nợ gốc hàng năm tương đối ổn định, góp phần giảm tỷ trọng nợ trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty mẹ. Đến cuối năm 2014, tổng vay nợ của Công ty mẹ chỉ còn 9.682 tỷ đồng, trong đó vay và nợ dài hạn là 7.758 tỷ đồng. Ảnh hưởng của việc nhận bàn giao nhà máy điện Vũng Áng 1 làm cho vay nợ của Công ty mẹ tăng mạnh vào thời điểm 31/12/2015, tổng vay nợ là 21.152 tỷ đồng, chiếm 42% tổng nguồn vốn của Công ty mẹ. Trong năm 2016, và 6 tháng 2017, Tổng công ty tiếp tục trả các khoản nợ đến hạn nên tổng vay nợ giảm xuống còn 19.759 tỷ đồng và 17.713 tỷ đồng, lần lượt chiếm 41% và 38,3% tổng nguồn vốn của Công ty mẹ.

Tăng trưởng vốn chủ sở hữu: Vốn CSH tăng mạnh trong năm 2015 do nhận bàn giao NMD Vũng Áng 1. Theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 5/2/2016 về việc chấp thuận bàn giao tài sản nhà máy Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho Tổng công ty, PVN tăng vốn điều lệ cho Tổng công ty là 8.666.971.957.266 đồng.

b) *Tình hình vay nợ Công ty mẹ - PV Power*

Vay và nợ dài hạn của PV Power xuất phát từ việc tài trợ cho việc đầu tư, phát triển các dự án nhà máy điện. Các khoản vay nợ này hầu hết là bằng ngoại tệ, nên biến động của tỷ giá ngoại tệ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Đến nay, PV Power chưa phải vay vốn lưu động, do đó 4.063 tỷ đồng nợ ngắn hạn tại thời điểm 30/6/2017 chỉ bao gồm toàn bộ các khoản vay dài hạn đến thời hạn thanh toán định kỳ.

c) *Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh*

Bảng 24: Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ PV Power

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	6 tháng 2017
1	Tổng giá trị tài sản	26.930	50.277	48.590	46.301
2	Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	14.009	22.471	22.741	23.529
3	Nợ vay ngắn hạn	1.924	4.488	4.066	4.063
3.1	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	0	0	0	0
4	Nợ vay dài hạn	7.758	16.664	15.693	13.650
4.1	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	0	0	0	0
5	Nợ phải thu khó đòi	12	12	14	13
6	Tổng số lao động (số người bình quân)	672	1.068	1.156	1.163

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	6 tháng 2017
7	Tổng quỹ lương (tỷ đồng)	200	294	324	116
8	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	27,8	28,6	24,4	19,9
9	Tổng doanh thu	16.837	15.524	19.046	11.291
10	Tổng chi phí	15.467	13.007	18.012	10.395
11	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.540	3.070	1.836	1.198
12	Lợi nhuận trước thuế	1.370	2.517	1.034	897
13	Lợi nhuận sau thuế	1.233	2.141	939	830
14	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	8,95%	11,74%	4,15%	3,59%

Nguồn: PV Power và BCTC riêng đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 và 6 tháng 2017 của PV Power

4.3. Đánh giá các nhân tố thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm gần nhất

Trong những năm qua, nền kinh tế Thế giới nói chung và kinh tế Việt nam nói riêng gặp nhiều khó khăn, bất ổn đặc biệt từ năm 2011 nền kinh tế toàn cầu bước vào cuộc khủng hoảng nợ công, cùng suy thoái kinh tế tại nhiều nền kinh tế đầu tàu như Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản. Diễn biến này đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power trên cả phương diện đầu vào và đầu ra trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay. Ngoài ra, trong thời gian này, khí hậu biến đổi không ngừng cùng với bão lụt, thiên tai cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách nêu trên nhưng trong giai đoạn này, PV Power vẫn có sự tăng trưởng ổn định, đã mạnh dạn đổi mới và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật. Có được kết quả đó là do các yếu tố thuận lợi, khó khăn sau:

4.3.1. Thuận lợi

- Là đơn vị hoạt động thuộc một trong năm lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn trong mọi hoạt động của Tổng công ty, được sự hỗ trợ về việc thu xếp vốn cho các dự án, công ty thành viên;
- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với quy mô lớn, bao gồm các Công ty con có tư cách pháp nhân gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, từ đó phát

huy được các lợi thế ngành. Với mô hình tổ chức và quản lý vốn góp tại các đơn vị thành viên hiện nay đã đảm bảo việc tuân thủ chủ trương của Chính phủ/Tập đoàn về không đầu tư hoạt động ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính.

- Sau 10 năm thành lập, PV Power ngày càng tích lũy được bề dày kinh nghiệm, có được đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có năng lực và nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý vận hành, sửa chữa các NMD có quy mô lớn, công nghệ cao.

4.3.2. Khó khăn

- Sản xuất điện của các nhà máy điện khí phụ thuộc nhiều vào khả năng cấp khí của PVGas, huy động điện của EVN. Đặc biệt, nguồn cung cấp khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 chưa ổn định, sự cố khí thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng đến công tác sản xuất.
- Tình hình biến đổi khí hậu phức tạp, lượng mưa ngày càng ít, thủy văn khô hạn bất thường, lưu lượng nước về hồ thủy điện thấp hơn rất nhiều so với trung bình nhiều năm đã ảnh hưởng tới sản xuất của các nhà máy thủy điện.
- Thị trường điện đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ chế hoạt động, kết quả tham gia thị trường điện phụ thuộc khá nhiều vào sản lượng điện hợp đồng được phân bổ.
- Công tác trình/phê duyệt Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh của các dự án thủy điện Đakdrinh, Hòa Na kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ công tác quyết toán vốn đầu tư, đàm phán giá điện dài hạn.
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 mới vào giai đoạn vận hành nên chưa ổn định, gặp nhiều sự cố, đặc biệt là hệ thống bốc dỡ nhiên liệu than. Điều kiện thời tiết khu vực Vũng Áng rất khắc nghiệt, ảnh hưởng đến việc bốc, hút than tại cảng nhà máy.

4.4. Vị thế của PV Power so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

4.4.1. Vị thế của PV Power trong ngành

Qua 10 năm xây dựng và phát triển, bằng sự lao động, sáng tạo miệt mài của tập thể người lao động, đến nay PV Power đã trở thành nhà cung cấp điện năng lớn thứ hai tại Việt Nam. Sự bổ sung các nguồn điện liên tục, ổn định với chất lượng cao từ các nhà máy nhiệt điện khí, thủy điện và nhiệt điện than thời gian gần đây của PV Power là rất quan trọng, cần thiết, có ý nghĩa lớn trong việc cung ứng đảm bảo ổn định điện cho toàn hệ thống lưới điện quốc gia. Đặc biệt trong các mùa khô liên tục các năm từ 2008 đến 2015, sự có mặt lần lượt của các Nhà máy Nhiệt điện khí Cà Mau 1 và 2 (năm 2007, 2008); Nhơn Trạch 1 (năm 2009); Nhơn Trạch 2 (năm 2011); thủy điện Hòa Na (năm 2013), Nậm Cắt, phong điện Phú Quý (năm 2012) và năm

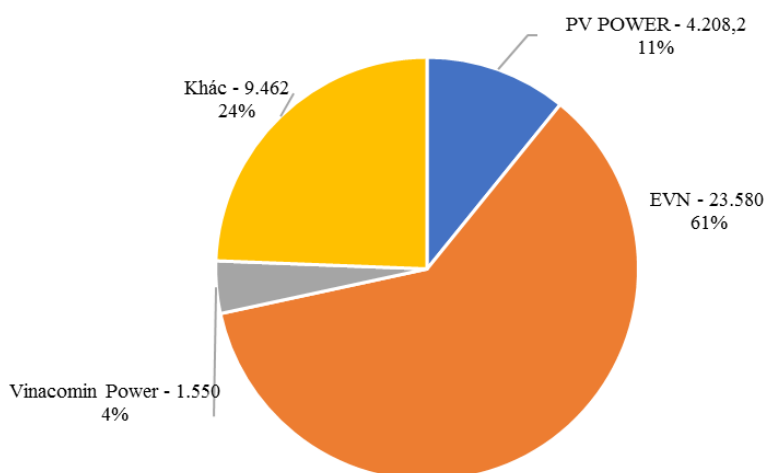
2014 vừa qua là thủy điện ĐakĐrinh, NMD than Vũng Áng 1, đã khẳng định vị thế và vai trò của PV Power trong ngành điện Việt Nam. Với công suất lắp đặt 4.208,2MW bằng khoảng 11% công suất đặt cả nước và lũy kế sản lượng điện ổn định khoảng 20 tỷ kWh/năm bằng gần 12% sản lượng toàn ngành là những con số đầy ý nghĩa, đánh giá và ghi nhận công lao của tập thể người lao động PV Power.

Tổng quan về năng lực hoạt động của PV Power như sau:

Công suất lắp đặt:

Tổng công suất lắp đặt của PV Power đạt 4.208,2 MW, trong tổng số 38.800 MW của toàn bộ các nhà máy tại Việt Nam. Trong khi đó, công suất lắp đặt của EVN và 3 Tổng công ty trực thuộc là 23.580 MW, của Vinacomin Power 1.550 MW.

Hình 2: Cơ cấu ngành điện Việt Nam theo công suất lắp máy 2015 (MW)



Như vậy, PV Power hiện là đơn vị đứng thứ 2 về công suất lắp đặt của các nhà máy điện, chiếm khoảng 11% tổng công suất lắp đặt của các nhà máy điện tại Việt Nam.

Sản lượng điện sản xuất:

Bảng 25: Sản lượng điện sản xuất của PV Power so với cả nước

Đơn vị: triệu kWh

Đơn vị sản xuất	2011	2012	2013	2014	2015	2016
PV Power	13.352	15.269	16.177	16.054	21.470	21.131
Cả nước	101.499	115.147	124.454	140.237	157.600	176.990

Nguồn: PV Power

Về sản lượng điện sản xuất, năm 2015 PV Power sản xuất được 21,5 tỷ kWh điện, chiếm 13,6% sản lượng điện cả nước.

Tính chung cho cả giai đoạn 2011-2015, PV Power đã cung cấp cho thị trường 82,3 tỷ kWh điện, chiếm 12,9% tổng sản lượng điện sản xuất trong thời gian này.

Trình độ công nghệ:

PV Power thực hiện tốt việc đa dạng hóa nguồn điện với các nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp, nhiệt điện than, thủy điện. Đầu năm 2015, Tổng công ty đã tiếp nhận quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng 1 (công suất 2x600 MW) với công nghệ hiện đại, có công suất tổ máy lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Tất cả các nhà máy điện PV Power đang quản lý vận hành đều sử dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đạt nhất vào thời điểm lắp đặt, thân thiện với môi trường. Là đơn vị đi đầu trong cả nước về lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, lực lượng cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật vận hành và sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện đang từng bước trưởng thành, làm chủ công nghệ, vận hành hiệu quả thiết bị máy móc hiện đại, dần dần thay thế nhà thầu nước ngoài trong sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và đã chủ động đảm đương thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên cho các nhà máy điện của PV Power.

Tháng 6/2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2016-2020 và Chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến 2035 của PV Power (Nghị quyết số 4116/NQ-DKVN). Theo đó, định hướng phát triển của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam là bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở lấy công nghiệp điện khí là hướng phát triển chủ đạo, với lợi thế ngành để sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khí; lựa chọn các dự án thích hợp để phát triển trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch phù hợp với chủ trương của Chính phủ, xu hướng của thế giới; đồng thời chú trọng phát triển các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, cung ứng than và các dịch vụ khác có liên quan nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh cho lĩnh vực kinh doanh chính; tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực về môi trường sinh thái.

Bên cạnh đó, mục tiêu tổng quát của toàn Tổng công ty cũng được xác định rõ: Xây dựng và phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh; năng động và có năng lực cạnh tranh trong SXKD điện và cung cấp các sản phẩm dịch vụ liên quan, trong đó lấy sản xuất điện là trọng tâm hàng đầu. Không chỉ có vậy mà còn cần chủ động tích cực

đầu tư phát triển nhiệt điện khí trên cơ sở chiến lược sử dụng hiệu quả nguồn khí thiên nhiên; hợp tác với các đối tác, tham gia thực hiện các dự án thủy điện và nhiệt điện than được Chính phủ/Tập đoàn giao; xem xét nghiên cứu đầu tư đối với các dự án sử dụng năng lượng tái tạo nếu thực sự đạt hiệu quả đầu tư cao nhằm đảm bảo sự cân bằng các loại hình nguồn điện trong một đơn vị chủ chốt của ngành điện. Thời gian tới, PV Power sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ có liên quan để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện bao gồm: bảo trì bảo dưỡng, cung ứng than đảm bảo nguồn than cho các nhà máy điện của ngành điện lực dầu khí... phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Đồng thời, Tổng công ty sẽ phát huy tối đa nội lực, thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển các nhà máy điện của Tổng công ty; tận dụng tối đa mọi nguồn lực, lựa chọn và đầu tư các nhà máy điện có công nghệ hiện đại, hiệu suất cao, thân thiện với môi trường để duy trì và nâng cao lợi thế cạnh tranh dài hạn.

4.4.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành Điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao và kỳ vọng tiếp tục phát triển. Sản lượng điện tiếp tục gia tăng, từ 101,5 tỷ kWh (năm 2011) lên khoảng 157,6 tỷ kWh (vào năm 2015), bình quân tăng khoảng 11,6%/năm, công suất đặt tăng từ 24.744 MW (năm 2011) lên đến 38.800 MW (năm 2015), bình quân tăng khoảng 11,9%/năm.

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhằm cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016 - 2030. Với mức tăng trưởng GDP 7,0%/năm, dự kiến nhu cầu sử dụng điện trên toàn quốc tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, mục tiêu cụ thể phát triển nguồn điện như sau:

- Điện thương phẩm: Năm 2020 khoảng 235 - 245 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506 - 559 tỷ kWh.
- Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 khoảng 265 - 278 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 400 - 431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572 - 632 tỷ kWh.

Cũng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, Tổng mức đầu tư cho ngành điện Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 là 858,66 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 40 tỷ USD, trung bình 7,9 tỷ USD/năm), giai đoạn 2021 - 2030 là 2.347,99 nghìn tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung

bình hơn 10,8 tỷ USD/năm), trong đó khoảng 74% giá trị là dành cho đầu tư nguồn điện. Do đó nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới rất cao và mang lại hiệu quả hấp dẫn.

Ngành điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội con người.

Thực hiện tái cơ cấu ngành điện để từng bước phát triển thị trường điện cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở bảo đảm an ninh cung cấp điện, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện; đưa ra tín hiệu giá một cách công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển ngành điện bền vững, loại bỏ dần thể độc quyền của EVN trong khâu phát điện và khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân tham gia để tạo ra một thị trường điện cạnh tranh thực sự. Nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, ngày 08/11/2013, Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg được ban hành, quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực Việt Nam, hướng đến năm 2023 thị trường điện bán lẻ cạnh tranh sẽ được vận hành.

Hiện nay, thị trường điện nhận được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước nhằm chuyển ngành điện theo cơ chế thị trường, tăng tính minh bạch và cạnh tranh, bên cạnh đó sẽ đảm bảo sự phát triển vững mạnh của ngành, phục vụ nhu cầu cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất và đời sống chính trị xã hội của đất nước.

Điện lực được đánh giá là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

4.4.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của PV Power với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Theo sát sự điều chỉnh về quy hoạch điện, PV Power đã từng bước thể hiện sự đúng đắn trong định hướng phát triển và hoạt động phù hợp với định hướng của ngành và chính sách nhà nước.

a. Về hoạt động đầu tư

Việc sở hữu các nhà máy đã hoàn thành và phát điện ổn định hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới của PV Power. Trong thời gian tới, PV Power có kế hoạch đầu tư 9 dự án điện khí với tổng công suất lắp đặt 6.750MW, dự kiến đi vào vận hành từ 2021 đến

2025. Việc đầu tư nếu hiệu quả sẽ mang lại cơ hội tăng trưởng tốt cho PV Power sau giai đoạn 2025.

b. Về hoạt động sản xuất điện

Hiện tại PV Power có các nhà máy điện sử dụng tuabin khí với tổng công suất lắp đặt 2.700MW, nhiệt điện than với tổng công suất lắp đặt 1.200MW và thủy điện với tổng công suất lắp đặt 308,2MW. Tổng công suất lắp đặt của PV Power chiếm khoảng 11% tổng công suất đặt của toàn hệ thống năm 2015, trong đó phần lớn công suất phát điện của PV Power thuộc các nhà máy tại khu vực phía Nam là khu vực có nhu cầu phụ tải điện rất lớn và công suất phát còn thiếu hụt. Do đó, các nhà máy của PV Power tại khu vực này được huy động phát điện ở tần suất rất cao và chế độ phát ổn định.

Trong tương lai, cùng với sự thiếu hụt nguồn phát khu vực phía Nam, các nhà máy điện của PV Power vẫn sẽ chiếm lợi thế về khả năng được huy động ở mức cao.

c. Về hoạt động trong thị trường điện

Theo lộ trình thị trường điện do Chính phủ phê duyệt: thị trường điện Việt Nam đi qua các cấp độ sau:

Cấp độ 1: Thị trường phát điện cạnh tranh (VCGM: Vietnam Competitive Generation Market): đang thực hiện.

Đối với PV Power, thuận lợi từ việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ những ngày đầu đã giúp Tổng công ty thu được nhiều kinh nghiệm, từng bước nâng cao mức độ am hiểu thị trường và năng lực của đội ngũ cán bộ phụ trách công tác thị trường điện đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty. Hiện tại, việc chào giá và tham gia thị trường phát điện cạnh tranh hiệu quả là một bước chuẩn bị tốt cho việc bước sang các giai đoạn tiếp theo của thị trường điện.

Cấp độ 2: Thị trường bán buôn điện cạnh tranh (VWCM: Vietnam Wholesale Competitive Market)

- Thí điểm từ 2016-2018
- Hoàn chỉnh từ 2019-2021.

Hiện tại, trong giai đoạn thí điểm, PV Power đang thực hiện mô phỏng vận hành và thanh toán trong thị trường bán buôn thí điểm. Trong thời gian tới, khi bước sang giai đoạn thị trường bán

buôn thanh toán thực và thị trường bán buôn điện hoàn chỉnh, các nhà máy điện của PV Power với công suất lớn, nhiên liệu ổn định, nằm trong khu vực có nhu cầu điện cao...vẫn sẽ là đối tượng ưu tiên và có nhiều tiềm năng để giao dịch với các Tổng công ty Điện lực và các khách hàng lớn.

Cấp độ 3: Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh (VCRM: Vietnam Competitive Retail Market)

- Thí điểm từ 2021-2023,
- Hoàn chỉnh từ 2023.

Trong giai đoạn cuối của lộ trình phát triển thị trường điện, PV Power được dự đoán vẫn sẽ có ưu thế trên thị trường và tiến tới tham gia cạnh tranh khâu bán lẻ.

Với vị thế là nhà sản xuất điện lớn tham gia vào thị trường cạnh tranh và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, PV Power luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Chính Phủ, các Bộ, Ngành và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

PHẦN 4: PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA PV POWER SAU CỔ PHẦN HÓA

1. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1.1. Thông tin cơ bản

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
- Tên đầy đủ tiếng Anh: PETROVIETNAM POWER CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PV Power
- Trụ sở: Tầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 22210 288
- Fax: (024) 22210 388
- Vốn điều: 23.418.716.000.000 đồng
- Website: <http://www.pvpower.vn>
- Logo:



1.2. Ngành nghề kinh doanh

Bảng 29: Danh mục ngành nghề sau CPH của PV Power

Tên ngành	Mã ngành
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, cụ thể: <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất và kinh doanh điện năng;- Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có cả đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng;- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;- Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện;	3510

Tên ngành	Mã ngành
<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; - Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; <p>Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện;</p>	
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản);	5210
<p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn than các loại; <p>Xuất khẩu, năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện;</p>	4661
Lắp đặt hệ thống điện: lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng;	4321
<p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP); <p>Xuất khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện;</p>	4390
Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính: Đầu tư, cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin;	6209
<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; - Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử. 	7490
Hoạt động tư vấn quản lý: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện;	7020
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất khẩu các mặt hàng Tổng công ty kinh doanh;	8299
Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo;	7730
Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu;	4669

Tên ngành	Mã ngành
Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Tổng công ty chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	Ngành, nghề chưa khớp với mã Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nguồn: PV Power

1.3. Mô hình tổ chức sau khi cổ phần hóa

1.3.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức quản lý của PV Power khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần bao gồm:

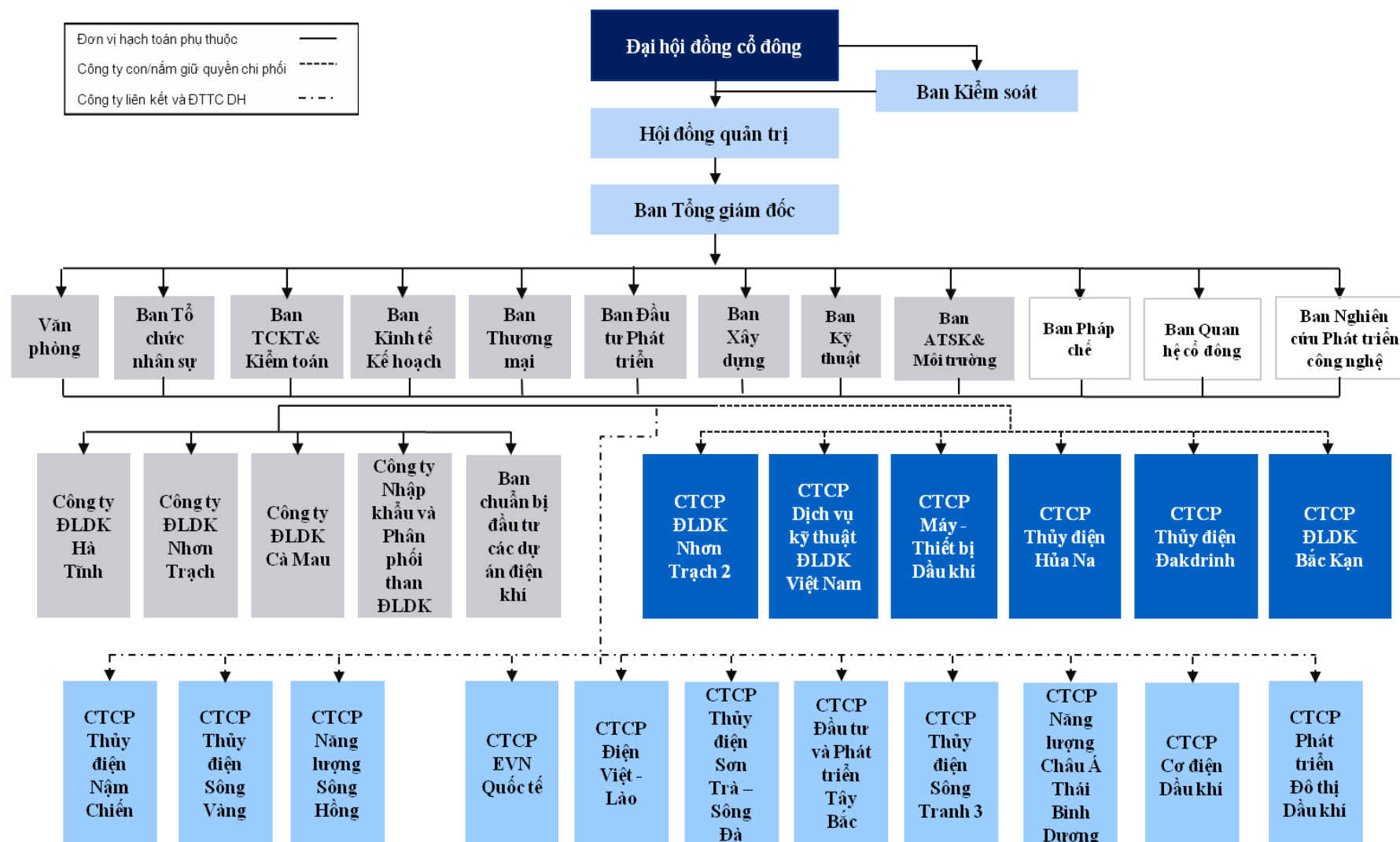
- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (HĐQT): 05 thành viên;
- Ban kiểm soát: 03 - 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu;
- Tổng giám đốc (TGD): là người đại diện theo pháp luật của PV Power;
- Các Phó tổng giám đốc (PTGD): phụ giúp Tổng giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành Tổng công ty theo đúng các lĩnh vực được phân công phụ trách.
- Bộ máy giúp việc bao gồm: Kế toán trưởng, Văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc cho Ban TGD theo đúng chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của PV Power bao gồm:

- Các phòng ban chuyên môn: 10 phòng ban hiện tại và dự kiến thành lập thêm Ban Nghiên cứu Phát triển (Công nghệ) để phát triển hoạt động R&D, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh
- Sau khi chuyển thành Công ty cổ phần, Ban Pháp chế và Quan hệ công chúng sẽ được tách thành 02 Ban theo chức năng là Ban Pháp chế và Ban Quan hệ cổ đông.
- Các đơn vị trực thuộc: bao gồm các chi nhánh hiện tại và các chi nhánh được thành lập mới để quản lý, vận hành các nhà máy điện trực thuộc Tổng công ty.
- Các công ty con và công ty liên kết: được cơ cấu lại theo Phương án tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 đã được Tập đoàn phê duyệt (triển khai thoái vốn tại CTCP Thủy điện Hòa Na, CTCP Thủy điện Đakdrinh, CTCP ĐLĐK Bắc Kạn, CTCP Máy thiết bị Dầu khí; các Công ty liên kết & các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

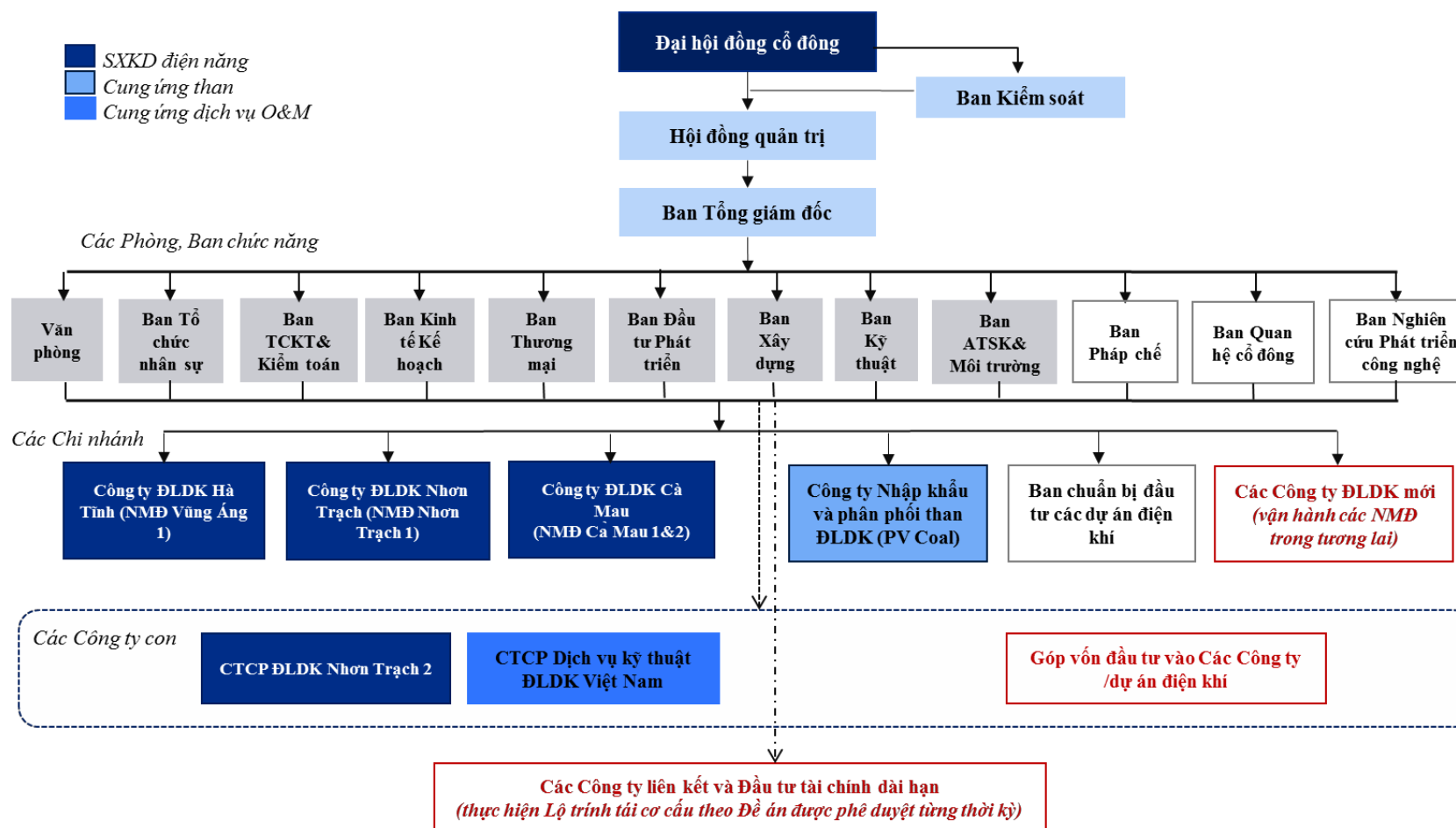
Mô hình tổ chức quản lý và kinh doanh của PV Power sau cổ phần hóa:

Hình 3: Mô hình tổ chức Tổng công ty tại thời điểm chuyển giao thành Công ty cổ phần:



Nguồn: PV Power

Hình 4: Mô hình tổ chức Tổng công ty định hướng đến năm 2022:



Nguồn: PV Power

1.3.2. Cơ cấu sở hữu

Bảng 26: Cơ cấu sở hữu của PV Power sau CPH

STT	Các đơn vị trực thuộc
1	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
2	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
3	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
4	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Nhập khẩu và phân phối Than Điện lực Dầu khí
5	Chi nhánh – Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí
STT	Các công ty con (PV Power nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)
1	Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
2	Công ty CP Thủy điện ĐắkĐrink
3	Công ty CP Thủy điện Hủa Na
4	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
5	Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn
6	Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí
STT	Các công ty liên kết (PV Power nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ)
1	Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến
2	Công ty CP Thủy điện Sông Hồng
3	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng
STT	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty khác
1	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

2	Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 3
3	Công ty CP EVN Quốc tế
4	Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí
5	Công ty CP Cơ điện Dầu khí
6	Công ty CP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương
7	Công ty CP Điện Việt Lào
8	Công ty CP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà

Nguồn: PV Power

2. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

2.1. Vốn điều lệ

Theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2017, PV Power không phải điều chỉnh giá trị sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi xây dựng quy mô vốn điều lệ của công ty cổ phần trong phương án cổ phần hóa và sử dụng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để xây dựng giá khởi điểm khi bán cổ phần lần đầu.

Tại thời điểm 31/12/2015, giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán của Tổng công ty sau xử lý tài chính là 23.418.715.917.565 đồng.

Trên cơ sở này, để thuận tiện cho việc xử lý số liệu khi chia cổ phần, vốn điều lệ được đề xuất làm tròn lên là 23.418.716.000.000 đồng.

Khi đó, vốn điều lệ lần đầu của Tổng công ty tại thời điểm cổ phần hóa như sau:

- Vốn điều lệ: 23.418.716.000.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần: 2.341.871.600 cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Tỷ lệ chào bán và cơ cấu sở hữu vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa của PV Power cụ thể như sau:

Bảng 27: Cơ cấu vốn điều lệ PV Power sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	1.194.354.516	11.943.545.160.000	51,00%
2	Bán cho CBCNV	2.757.400	27.574.000.000	0,118%
2.1	Bán bớt phần vốn của Nhà nước cho CBCNV theo giá ưu đãi	1.005.100	10.051.000.000	0,043%
2.2	Bán bớt phần vốn của Nhà nước cho CBCNV theo cam kết sử dụng lao động lâu dài	1.752.300	17.523.000.000	0,075%
3	Bán đấu giá công khai (IPO)	468.374.320	4.683.743.200.000	20,000%
4	Bán cho NĐT chiến lược	676.385.364	6.763.853.640.000	28,882%
	Tổng cộng	2.341.871.600	23.418.716.000.000	100%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

2.3. Phương án tăng vốn điều lệ

Bảng 28: Phương án tăng vốn điều lệ PV Power sau cổ phần hóa

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	2018	2019	2020
Chỉ tiêu			
Vốn điều lệ	24.824	26.983	29.418
Tăng từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức	1.405	1.489	1.619
Tăng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển		669	816

Nguồn: PV Power

Ba năm sau cổ phần hóa, PV Power có kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển của Tổng công ty. Cụ thể, năm 2018 PV Power tăng vốn thêm 1.405 tỷ đồng từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, năm 2019 và 2020 tăng lần lượt 2.159 tỷ đồng và 2.435 tỷ đồng từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển.

3. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

3.1. Chiến lược phát triển

3.1.1. Quan điểm phát triển

Phát triển PV Power bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trên cơ sở:

- Lấy công nghiệp điện khí là hướng phát triển chủ đạo với lợi thế ngành để sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khí;
- Chú trọng phát triển các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, cung ứng than và các dịch vụ khác có liên quan nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh cho lĩnh vực kinh doanh chính;
- Tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực về môi trường sinh thái.

3.1.2. Mục tiêu phát triển

- Xây dựng và phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, năng động và có năng lực cạnh tranh trong SXKD điện và cung cấp các sản phẩm dịch vụ liên quan, trong đó lấy sản xuất điện là trọng tâm hàng đầu.
- Chủ động tích cực đầu tư phát triển nhiệt điện khí trên cơ sở chiến lược sử dụng hiệu quả nguồn khí thiên nhiên.
- Phát triển các lĩnh vực dịch vụ có liên quan để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện bao gồm: bảo trì bảo dưỡng, cung ứng than đảm bảo nguồn than cho các Nhà máy điện của ngành điện lực dầu khí... phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Phát huy tối đa nội lực, thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển các NMD của Tổng công ty. Tận dụng tối đa mọi nguồn lực, lựa chọn và đầu tư các NMD có công nghệ hiện đại, hiệu suất cao, thân thiện với môi trường để duy trì và nâng cao lợi thế cạnh tranh dài hạn.

3.2. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

Tổng diện tích đất PV Power được tiếp tục quản lý và sử dụng là 1.909.972,2 m².

Phương án sử dụng đất đã được PV Power gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Tính đến nay, kết quả phê duyệt như sau:

3.2.1. Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (PV Power Cà Mau):

a) Khu đất xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 1

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 240.792,3 m², trong đó:
 - Diện tích xây dựng làm văn phòng làm việc là: 1.058,4 m², xây 04 tầng với kết cấu chính bằng bê tông cốt thép.
 - Diện tích xây dựng nhà máy để sản xuất kinh doanh điện là: 239.733,9 m², xây dựng với kết cấu chính bằng bê tông cốt thép.
- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power/PV Power Cà Mau tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất xây dựng NMD Cà Mau 1 để sản xuất kinh doanh điện năng theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê.

b) Khu đất xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 2:

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 109.434,2 m², được xây dựng bằng kết cấu bê tông cốt thép.
- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power/PV Power Cà Mau tiếp tục được quản lý và sử dụng là khu đất xây dựng NMD Cà Mau 2 để sản xuất kinh doanh điện năng theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê.

c) Khu đất xây dựng cảng nhập dầu DO - Nhà máy điện Cà Mau 1:

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 103.445,3 m², trong đó: diện tích đất xây dựng cảng là 87.231,6 m², diện tích đất mặt nước là 16.213,7 m².

- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power tiếp tục được quản lý và sử dụng là khu đất để xây dựng làm cảng nhập dầu DO theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

d) Khu đất Hành lang cây xanh - Nhà máy điện Cà Mau 1:

- Địa chỉ: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: 84.739,8 m²
- Hình thức sử dụng đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power tiếp tục được quản lý và sử dụng là khu đất để xây dựng làm Hành lang cây xanh theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

e) Khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 phục vụ quản lý vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2:

- Địa chỉ: Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng khu Nhà điều hành và nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 là 33.806 m², trong đó phần diện tích đất xây dựng được giao cho PV Power Cà Mau quản lý và sử dụng là 19.266,9m² (tạm tính theo tỷ lệ phân bổ tại Quyết định 279/QĐ- DKVN và Quyết định 280/QĐ-DKVN của Tập đoàn), gồm các khu nhà ở như sau:
 - Nhà ở hộ độc thân gồm 6 block, mỗi block có 5 căn nhà;
 - Nhà ở hộ gia đình gồm 2 block, mỗi block có 5 căn nhà;
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power/PV Power Cà Mau tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 1 NMD Cà Mau 1&2 theo hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

f) Khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 phục vụ quản lý, vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2:

- Địa chỉ: Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng khu Nhà điều hành và nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 được giao quản lý là 47.639,8 m² (tạm tính theo tỷ lệ phân bổ tại Quyết định 279/QĐ- DKVN và Quyết định 280/QĐ-DKVN của Tập đoàn), bao gồm diện tích xây dựng nhà ở và các công trình công cộng). Tổng diện tích xây dựng nhà ở là 9.100 m², bao

gồm:

- Nhà ở hộ gia đình 12 block;
- Nhà ở hộ độc thân 10 block.

Còn lại là diện tích các công trình công cộng gồm: đường dây trung thế, hệ thống cấp điện chiếu sáng, bể nước ngầm, trạm bơm, hệ thống cấp thoát nước, trạm xử lý nước thải, hệ thống PCCC, nhà xe, đài nước, sân đường nội bộ, hàng rào, cây xanh, hệ thống truyền hình cáp, đất đai được chia theo tỷ lệ phân bổ cho PV Power là 81,8% và PV Gas 18,2%.

- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power/PV Power Cà Mau tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất xây dựng nhà ở cho CBCNV giai đoạn 2 NMD Cà Mau 1&2 theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

3.2.2. Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (PV Power Nhơn Trạch):

a) Khu đất xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1:

- Địa chỉ: ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích đất: Tổng diện tích đất xây dựng nhà máy điện Nhơn Trạch 1 là 314.155 m², trong đó:
 - Diện tích xây dựng làm văn phòng làm việc là: 727,3 m²,
 - Diện tích xây dựng nhà máy để sản xuất kinh doanh điện là: 302.520,9 m²,
 - Diện tích xây dựng trạm bơm nước làm mát: 10.906,8 m².
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần:
 - Chuyển giao lại phần diện tích 10.906,8 m² đất cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tiếp tục quản lý và sử dụng;
 - Đối với phần diện tích còn lại 303.248,2 m² tiếp tục sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

b) Khu đất xây dựng Trạm bơm tăng áp - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1:

- Địa chỉ: ấp Đoàn Kết, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích đất: 2.121m².
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Nhơn Trạch tiếp

tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

c) Khu đất xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 1:

- Địa chỉ: Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích đất: 8.410 m², trong đó diện tích xây dựng là 4.568,56 m², gồm:
 - Khu nhà ở công vụ xây 5 tầng kết cấu khung bê tông cốt thép, gồm: Block A diện tích xây dựng là 1.320 m², diện tích sàn là 5.183,7 m²; Block B diện tích xây dựng là 1.320 m², diện tích sàn là 5.183,7 m²;
 - Khu nhà câu lạc bộ xây 2 tầng: diện tích xây dựng là 350m², diện tích sàn là 670,9 m²;
 - Sân tennis: diện tích xây dựng là 702,45 m²;
 - Sân bóng chuyền: diện tích xây dựng là 705,45m².
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Nhơn Trạch tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

d) Khu đất xây dựng Nhà ở cho CBCNV Tiểu khu 2:

- Địa chỉ: Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích đất: 10.967,9 m², trong đó diện tích xây dựng là 2.140 m², gồm:
 - Khu biệt thự song lập gồm 4 căn, diện tích xây dựng 540 m² xây dựng kết cấu khung bê tông cốt thép, hiện chưa đưa vào sử dụng;
 - Khu biệt thự đơn lập gồm 16 căn, diện tích xây dựng 1.600 m² xây dựng kết cấu khung bê tông cốt thép, chưa hoàn thiện phần thô.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Nhơn Trạch tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3.2.3. Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (PV Power Hà Tĩnh):

a) Khu đất xây dựng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1:

- Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Diện tích đất: tổng diện tích khuôn viên đất được giao quản lý là 427.735,4 m², trong đó:
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất, tiền thuê đất được nộp hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Hà Tĩnh tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất nộp tiền thuê đất hàng năm.

b) Khu đất xây dựng khu nhà ở CBCNV giai đoạn quản lý, vận hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1

- Địa chỉ: phường Kỳ Thịnh, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Diện tích khu đất: tổng diện tích khuôn viên đất được giao quản lý là 45.040 m², diện tích xây dựng là 7.398m², trong đó:
 - Khu đất xây dựng Nhà công vụ gồm 05 block được xây 05 tầng với kết cấu bê tông cốt thép, diện tích xây dựng là 4.440 m², diện tích sàn là 20.615 m²;
 - Khu đất xây dựng Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích 1.500 m²;
 - Khu đất xây dựng Sân tennis diện tích 703 m²;
 - Khu đất xây dựng nhà tập luyện thể dục thể thao với kết cấu khung bê tông cốt thép, diện tích xây dựng là 755 m²;
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Hà Tĩnh tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất nộp tiền thuê đất hàng năm.

c) Khu đất xây dựng sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng

- Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Diện tích khu đất: 106.420 m².
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Hà Tĩnh tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất nộp tiền thuê đất hàng năm.

d) Các khu đất còn lại Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh đang sử dụng để vận hành NMD Vũng Áng 1

- Để đảm bảo kế hoạch cổ phần hóa, các khu đất còn lại của NMD Vũng Áng đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban quản lý dự án ĐLDK Vũng Áng Quảng Trạch hoàn thiện thủ tục ký hợp đồng thuê đất theo chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể:
 - ✓ **Khu đất xây dựng Trạm bơm tuần hoàn và cửa lấy nước làm mát**
 - Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
 - Diện tích: 165.413 m²
 - Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
 - Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Hà Tĩnh tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất nộp tiền thuê

đầy hàng năm.

✓ ***Khu đất xây dựng Tuyến kênh thải nước làm mát và băng tải than***

- Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
- Diện tích: 23.451 m²
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Hà Tĩnh tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất nộp tiền thuê đầy hàng năm.

✓ ***Khu đất xây dựng Đường ống nước mặt bằng trạm bơm tuần hoàn***

- Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
- Diện tích: 15.602,3 m²
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Hà Tĩnh tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất nộp tiền thuê đầy hàng năm.

✓ ***Khu đất xây dựng Bãi thải xỉ,***

- Địa chỉ: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
- Diện tích: 196.245 m²
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: PV Power Hà Tĩnh tiếp tục được quản lý và sử dụng đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất nộp tiền thuê đầy hàng năm.

3.3. Hoạt động đầu tư phát triển 03 năm sau cổ phần hóa

Hiện nay, lĩnh vực sản xuất điện đang được coi là một trong những ngành nghề kinh doanh chính của PVN với nhiều dự án điện đang được giao triển khai. Trong đó, PV Power là đơn vị trực thuộc duy nhất hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực này. Kế hoạch đầu tư, vận hành các dự án trong tương lai dự kiến như sau:

- Đối với các dự án nhiệt điện than do Tập đoàn đầu tư, tiến độ chi tiết như bảng sau:

Bảng 29: Kế hoạch đầu tư các dự án điện than

TT	Tên dự án	Công suất	Năm đi vào vận hành
1	Dự án NMD Thái Bình 2	1.200 MW	2018
2	Dự án NMD Long Phú 1	1.200 MW	2019

TT	Tên dự án	Công suất	Năm đi vào vận hành
3	Dự án NMD Sông Hậu 1	1.200 MW	2019
4	Dự án NMD Long Phú 3	1.800 MW	2023/2024

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

- Đối với các dự án điện khí: Tiến độ đầu tư được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch điện VII điều chỉnh và chiến lược phát triển của Tập đoàn. Cụ thể như trong bảng dưới đây:

Bảng 30: Kế hoạch đầu tư các dự án điện khí

T T	Tên dự án	Công suất	Năm bắt đầu đầu tư	Năm đi vào vận hành	Năm hoàn thành đầu tư
1	Dự án NMD Nhơn Trạch 3	750 MW	2017	2021	2021
2	Dự án NMD Nhơn Trạch 4	750 MW	2018	2022	2022
3	Dự án NMD Kiên Giang 1	750 MW	2017	2021	2022
4	Dự án NMD Kiên Giang 2	750 MW	2018	2022	2023
5	Dự án NMD Sơn Mỹ 2 #1	750 MW	2019	2023	2024
6	Dự án NMD Sơn Mỹ 2 #2	750 MW	2020	2024	2025
7	Dự án NMD Sơn Mỹ 2 #3	750 MW	2021	2025	2026
8	Dự án NMD Miền Trung 1	750 MW	2018	2022	2023
9	Dự án NMD Miền Trung 2	750 MW	2019	2023	2024

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

3.4. Kế hoạch thoái vốn của PV Power 03 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ Kế hoạch tái cấu trúc của PV Power đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt số 976/QĐ-DKVN ngày 17/5/2016.

Bảng 31: Kế hoạch thoái vốn của PV Power giai đoạn 2017-2020

TT	Nội dung	Tỷ lệ thoái vốn	Thời gian
1	Công ty do TCT nắm giữ trên 50% vốn điều lệ		
	- Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na	100%	2017-2020
	- Công ty cổ phần Thủy điện ĐakĐrinh	100%	
	- Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	100%	
	- Công ty CP Máy và thiết bị Dầu khí	100%	
2	Công ty do Tổng công ty nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ (Công ty liên kết, đầu tư tài chính)	100%	2017-2020

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

3.5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, mục tiêu và giải pháp thực hiện

3.5.1. Mục tiêu sản xuất kinh doanh

Bảng 32: Dự kiến kế hoạch SXKD của PV Power – Công ty mẹ giai đoạn 2018-2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019	2020
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	25.788	28.387	31.718
1.1	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	Tỷ đồng	24.824	26.983	29.418
2	Tổng số lao động	Người	1.257	1.318	1.383
3	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng/năm	354	376	398
4	TNBQ của người lao động	Triệu đồng/người/tháng	28,3	29,0	29,5
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	25.756	34.192	41.268
6	Tổng chi phí	Tỷ đồng	23.267	31.085	37.096
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.231	2.720	3.458
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%/năm	6%	6%	6%
9	ROE	%	8,7%	9,6%	10,9%

Nguồn: PV Power

3.5.2. Giải pháp cụ thể

a) Về quản trị chiến lược, kế hoạch:

- Triển khai kế hoạch và quán triệt các bộ phận bám sát thực hiện các chỉ tiêu theo từng giai đoạn. Thường xuyên kiểm soát, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chủ động trong công tác điều hành hoạt động SXKD.
- Định kỳ tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra những giải pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra.

b) Về tổ chức quản lý:

- Hoàn thiện xây dựng mô hình và cơ cấu tổ chức theo định hướng tinh gọn và chuyên môn hóa cao, bố trí nguồn lực phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Tổng công ty.
- Đầu tư xây dựng công nghệ thông tin và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến hiện nay.
- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống Quy chế quản lý nội bộ, rõ quyền hạn trách nhiệm của các cấp quản lý.
- Chuẩn hóa, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

c) Về sản xuất:

- Phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, PV Gas, Vinacomin và đơn vị bảo trì, bảo dưỡng trong công tác vận hành/sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện nhằm sẵn sàng đáp ứng huy động tối đa công suất, đảm bảo đủ nguồn nhiên liệu khí/than để sản xuất an toàn, hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra/giám sát về công tác quản lý kỹ thuật nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể xảy ra, có phương án ngăn ngừa xử lý kịp thời nhằm nâng cao độ khả dụng của các tổ máy/Nhà máy, không để xảy ra sự cố do yếu tố chủ quan gây ra.
- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công tác quản lý sản xuất và SXKD theo định hướng phát triển.
- Thực hiện các giải pháp để tối ưu hóa các quá trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí và giá thành sản phẩm.
- Xây dựng chiến lược đàm phán giá điện hợp lý với ENV/EPTC, bám sát tình hình thị trường điện, điều chỉnh các phương án chào giá để đạt lợi nhuận tối ưu và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành Nhà máy điện.
- Cải tạo nâng công suất và đảm bảo vận hành an toàn, ổn định.
- Tăng cường quan hệ với các đối tác để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm phát triển bảo dưỡng theo hướng chuyên môn sâu, đồng thời nâng cao trình độ đội ngũ bảo dưỡng của nhà máy.

d) Về đầu tư mở rộng và nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ:

- Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, hình thành trung tâm thực nghiệm để nghiên cứu các sản phẩm điện từ nguồn năng lượng sạch thân thiện với môi trường.
- Xây dựng và đào tạo lực lượng chuyên gia đảm bảo đảm đương nhiệm vụ nghiên cứu đầu tư và phát triển các sản phẩm mới.
- Xây dựng tổ chuyên gia tư vấn, định hướng và liên kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu, chuyên gia và các đối tác.
- Phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật trong vận hành nhà máy đảm bảo vận hành, bảo dưỡng an toàn, ổn định tiết kiệm năng lượng và nâng cao công suất nhà máy.
- Tập trung nghiên cứu nâng cao hiệu quả các nhà máy, cập nhật và xây dựng dữ liệu thiết bị phục vụ cho vận hành, bảo dưỡng.
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các định mức tiêu hao, đề xuất các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để có được định mức tối ưu nhằm đảm bảo hạ giá thành.

- Lựa chọn công nghệ hiện đại, đồng bộ để đầu tư cho các dự án.

e) Về tài chính:

- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát tốt dòng tiền làm tăng vòng quay vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.
- Xây dựng và từng bước kiểm tra hoàn thiện hệ thống kiểm soát rủi ro tài chính, áp dụng các công cụ đánh giá và phòng ngừa rủi ro tài chính của công ty.
- Tìm kiếm, huy động nguồn vốn rẻ, hợp tác với các đối tác trong đầu tư phát triển nhằm san sẻ nguồn vốn.
- Hoàn thiện báo cáo kế toán quản trị, thường xuyên phân tích hoạt động tài chính để tham mưu cho lãnh đạo nắm bắt kịp thời và đưa ra những chiến lược tài chính phù hợp trước những biến động.
- Tìm hiểu và nghiên cứu cơ hội góp vốn, mua lại vốn góp của các công ty có hiệu quả cao hoặc hỗ trợ phát triển lâu dài cho các công ty thuộc ngành nghề chính của PV Power.

f) Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực:

- Duy trì và phát triển nguồn lực đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung cấp nguồn lực cho bên ngoài.
- Xây dựng chính sách thu hút và giữ nhân lực chất lượng cao.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, phát huy năng lực của mỗi cá nhân.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống mô tả chức danh công việc.
- Hoàn thiện quy chế trả lương, thưởng tương xứng với đóng góp của người lao động.
- Xây dựng các chương trình đào tạo chuẩn theo từng lĩnh vực, đào tạo chuyên gia.
- Tăng cường hợp tác với các đơn vị đào tạo, liên kết với các nước ngoài trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

g) Về an toàn, môi trường và phát triển bền vững:

- Tuyệt đối tuân thủ Luật pháp, các quy định về đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh và trong đầu tư xây dựng các dự án.
- Kiểm tra/giám sát, vận hành hiệu quả hệ thống quản lý công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường trong toàn Tổng công ty.
- Nghiên cứu phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam, bảo đảm có đủ năng lực tự xử lý các nguồn thải, đặc biệt đối với các dự án nhiệt điện than.

- Lựa chọn và sử dụng công nghệ cao, hiệu quả, thân thiện môi trường, công nghệ có độ tin cậy và an toàn cao, chú trọng xử lý chất thải phù hợp với điều kiện Việt Nam, tích cực tham gia cơ chế phát triển sạch (CDM).
- Thực hiện chế độ kiểm tra bảo dưỡng các Nhà máy điện, bảo đảm độ tin cậy của các thiết bị công trình. Kiểm soát chặt chẽ an toàn hóa chất, các chất thải, đặc biệt là những hóa chất có mức độ độc hại cao ở các cơ sở sản xuất.
- Xây dựng định mức cho hoạt động ATSKMT để có thể thực hiện hoạt động này đạt hiệu quả cao nhất. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý ATSKMT cho toàn Tổng công ty.
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp sáng kiến phải được triển khai áp dụng nhanh chóng, hiệu quả. Tích cực triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

PHẦN 5: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

Nhà đầu tư tiềm năng nên xem xét kỹ lưỡng các vấn đề cần quan tâm nêu dưới đây, ngoài những thông tin khác được cung cấp trong Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần.

Việc một hoặc nhiều rủi ro nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của PV Power và có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà PV Power hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào cổ phiếu PV Power.

1.1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính Phủ cũng như chính sách phát triển Ngành Điện.

PV Power phải cạnh tranh trực tiếp với các đơn vị phát điện trên thị trường. Việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành cùng với các đơn vị phát điện lớn trên thị trường như EVNGENCO 1, 2, 3, PVN..., PV Power sẽ phải cạnh tranh về giá và yếu tố liên quan với các nhà đầu tư khác để phát điện.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho PV Power. PV Power có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem PV Power có chịu rủi ro tín dụng hay không. PV Power không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng hoặc đối tác vì các khoản phải thu chủ yếu là từ các công ty trong cùng EVN.

Chính sách hiện nay đang quy định chênh lệch tỷ giá đối với các nhà máy điện chưa được tính vào trong giá điện, vấn đề này đang được Bộ Công thương xem xét. PV Power hiện có hệ số nợ tương đối cao, chủ yếu là các khoản nợ từ các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng trong nước, và nhận nợ, trả nợ bằng ngoại tệ (Đô la Mỹ). Do vậy, trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam so với các đồng tiền trên thay đổi sẽ làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của Tổng công ty tương ứng.

1.2. Rủi ro đặc thù

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu hóa thạch bị tác động lớn bởi giá nguyên liệu đầu vào. Theo thống kê, giá nhiên liệu, bao gồm giá xăng dầu, khí đốt và than chiếm trên 60% chi phí sản xuất điện và là yếu tố chính chi phối giá điện.

Đối với PV Power, các nhà máy điện dầu khí chiếm tỷ trọng 64,2% tổng công suất lắp đặt, thủy điện chiếm 7,3% tổng công suất lắp đặt và nhà máy chạy bằng than chiếm 28,5% tổng công suất lắp đặt. Mặc dù, về cơ bản giá nguyên liệu đầu vào được phản ánh vào giá bán điện, tuy nhiên, về mặt dài hạn, việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu cung cấp và với việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành, PV Power có thể đối diện với vấn đề nguyên liệu trong tương lai không xa.

Để đảm bảo nguồn cung ứng ổn định và giá cả ổn định, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược lâu dài, thêm vào đó năm 2016, PVN đã ký kết thêm hai hợp đồng mua dầu với Tổng công ty Dầu Việt Nam PVOil. Hiện tại, giá than bán cho ngành điện vẫn đang được điều tiết, tuy nhiên giá xăng dầu và giá khí đã được áp dụng theo giá thị trường, do đó trong tương lai, giá than cũng sẽ được điều tiết theo giá thị trường vốn rất biến động và khó dự đoán.

1.2.1. Về nguyên liệu than

Theo báo cáo đánh giá cân đối cung - cầu của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (TKV), hiện tại, cơ bản than trong nước vẫn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ than của các khách hàng. Tuy nhiên, các năm tiếp theo sẽ ưu tiên cung cấp than cho sản xuất điện, giảm dần lượng than xuất khẩu và các nhóm khách hàng khác nhưng việc cân đối than cho sản xuất điện vẫn rất khó khăn.

Do đó, nếu tính cả các dự án sử dụng than nhập khẩu, theo tính toán từ năm 2016, Việt Nam sẽ phải nhập khẩu khoảng 3 - 4 triệu tấn; năm 2020 khoảng 35 triệu tấn, năm 2025 khoảng 80 triệu tấn và năm 2030 khoảng 135 triệu tấn.

Nước ta vẫn còn áp dụng cơ chế bù giá chéo giữa các ngành công nghiệp, do đó giá than Vinacomin bán cho PV Power và các đơn vị phát điện cũng thấp hơn giá thành. Cũng như giá bán lẻ điện, giá bán than của Vinacomin do Nhà nước quy định và thua lỗ luôn là lý do để các Tập đoàn này xin tăng giá. Từ năm 2010 đến nay, giá bán than cho điện đã 8 lần tăng giá, giá bán bình quân từ ngày 21/07/2014 khoảng 70 USD/ tấn. Tuy nhiên sau khi điều chỉnh, giá bán than cho sản xuất điện vẫn thấp hơn khoảng 2,6 - 5,8% so với giá bán than cho các hộ khác

trong nước được điều chỉnh cùng đợt (trừ than cám 4bHG) và bằng 86 - 91% giá xuất khẩu cùng loại. Giá than cũng sẽ được đưa về tiệm cận giá thị trường theo lộ trình của Chính phủ.

Do đó, trong tương lai, các nhà máy nhiệt điện than của PV Power sẽ đối mặt với tình trạng thiếu hụt than và giá than sẽ dao động theo giá thị trường nhiên liệu sơ cấp.

1.2.2. Về nguyên liệu khí

Hầu hết khí khai thác ở nước ta được sử dụng để sản xuất điện. Bình quân trên 80% sản lượng khí được cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện, khoảng 10% cho các nhà máy đạm và khoảng 5% cho các khách hàng công nghiệp khác. Riêng năm 2014, tổng sản lượng khí tiêu thụ của cả nước là 9.969 triệu m³ (tăng trưởng 5,2% so với năm 2013) trong đó các nhà máy điện tiêu thụ đến 8.298 triệu m³ khí (tăng 5,8% so với 2013).

Hiện tại, các nhà máy điện Nhơn Trạch 1, 2, nhà máy điện Cà Mau 1, 2 của PV Power có hợp đồng mua khí cho đến hết vòng đời dự án, tuy nhiên nguồn cung cấp khí thường xuyên bị gián đoạn, hụt áp làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của PV Power, vì vậy, PV Power có thể sẽ gặp rủi ro khi nguồn cung cấp và giá khí biến động.

1.2.3. Về năng lượng thủy điện

Các nhà máy Thủy điện phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng tích nước tích trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy.

Cụ thể, trong năm 2015, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên diễn biến thủy văn của các hồ thủy điện trên cả nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các hồ trên địa bàn từ Thanh Hóa trở vào, thống kê cho thấy tổng lượng nước về các hồ này thiếu hụt từ 40 - 60% so với trung bình nhiều năm, nhiều hồ trong suốt mùa mưa không xuất hiện lũ.

Trong các tháng đầu năm 2016, hiện tượng El Nino vẫn tiếp diễn kéo theo tình hình thủy văn hầu hết các hồ chứa khu vực miền Trung, miền Nam tiếp tục kém. Để đảm bảo cung cấp điện cho mùa khô 2016, các nhà máy thủy điện trên các khu vực này hầu như chỉ vận hành theo các ràng buộc nước hạ du. Tuy nhiên, từ cuối năm 2016 hiện tượng Lanina lại khiến cho lượng mưa thiếu hụt tại khu vực miền Bắc so với trung bình nhiều năm, trong khi khu vực Trung Trung Bộ và miền Nam tăng lên, do đó ảnh hưởng tới hoạt động của các thủy điện miền Bắc và tạo thuận lợi cho các thủy điện miền Trung và miền Nam.

Do đó việc rủi ro do các yếu tố bất lợi về thời tiết và thủy văn làm ảnh hưởng lớn và không lường trước được đối với tình hình sản xuất kinh doanh của các nhà máy thủy điện do PV Power quản lý.

1.3. Rủi ro về chi phí vốn

PV Power chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được PV Power quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi từ các nguồn cho vay thích hợp.

1.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là việc nguồn vốn không đủ để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản được PV Power quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà PV Power tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của PV Power là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo PV Power duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn và dài hạn hơn.

1.5. Rủi ro pháp lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power và các đơn vị thành viên của PV Power chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, Luật điện lực, các chính sách thuế... Nếu sau đợt chào bán, PV Power trở thành công ty cổ phần đại chúng, PV Power còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc có ảnh hưởng không tốt cho hoạt động kinh doanh của PV Power.

1.6. Rủi ro của đợt phát hành

Do đợt phát hành lần đầu ra công chúng của PV Power không được bảo lãnh phát hành, tổng số cổ phần được đăng ký mua có thể thấp hơn số cổ phần phát hành. Để xử lý các cổ phần không được bán hết, PV Power có thể xin ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa để bán số cổ phần này cho các nhà đầu tư chiến lược theo như Phương án Cổ phần hóa. Nếu các cổ phần này vẫn không được bán hết thì sẽ tiếp tục được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị

định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản liên quan.

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của PV Power so với cơ cấu dự kiến, đồng thời, làm giảm thặng dư vốn cổ phần, qua đó phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của PV Power sau khi cổ phần hóa.

1.7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm thảm họa tự nhiên, động đất, bão lụt, cháy, chiến tranh... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp. Các rủi ro trên hiếm khi xảy ra nhưng nếu xuất hiện sẽ gây ra các hậu quả nghiêm trọng cho hoạt động kinh doanh của PV Power.

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các yếu tố rủi ro nêu trên, cùng với các thông tin trong Bản công bố thông tin này. Hoạt động của Tổ chức chào bán có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ rủi ro nào đã hoặc chưa được liệt kê nêu trên. Danh mục các yếu tố rủi ro nêu trên không phải bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về tất cả các rủi ro liên quan tới việc đầu tư vào cổ phiếu. Nhà đầu tư nên nghiên cứu và cân nhắc cẩn trọng các thông tin, bao gồm cả các thông tin từ những nguồn đáng tin cậy khác, đồng thời tham vấn ý kiến của các tư vấn chuyên môn, trước khi ra quyết định đăng ký tham gia đấu giá.

2. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

Đợt chào bán cổ phần phục vụ cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam bao gồm: (i) Chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) (ii) Chào bán cho người lao động và (iii) Chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

2.1. Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

2.1.1. Đối tượng chào bán

Đối tượng IPO trong nước sẽ là các nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa) theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, trừ các thành viên là đại diện doanh nghiệp cổ phần hóa;
- Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc tổ chức này tham gia vào việc thực

hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh nếu có;

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;
- Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tổng công ty và Tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

2.1.2. Phương thức chào bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá

Cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng trong nước thông qua phương thức bán đấu giá công khai, dự kiến được tổ chức tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với các nội dung sau:

Cổ phần phát hành	: Cổ phần của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty CP, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm	: 14.400 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần chào bán	: 468.374.320 cổ phần (20% vốn điều lệ)
Đối tượng chào bán	: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được tham gia đăng ký và đấu giá cổ phần của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty CP
Phương thức đấu giá	: Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần tại Sở giao dịch Chứng khoán

Thời gian và địa điểm đăng ký : Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành

Tổ chức thực hiện bán đấu giá : Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Phương thức và thời hạn thanh toán : Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thể hiện tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam” do Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ban hành và công bố.

2.2. Chào bán cổ phần cho người lao động

Tổng số lượng cổ phần PV Power chào bán cho người lao động theo chính sách ưu đãi trong doanh nghiệp cổ phần hóa là 2.757.400 cổ phần, tương ứng 0,118% vốn điều lệ, cụ thể như sau:

2.2.1. Chào bán cho người lao động theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

a) Tiêu chí và giá bán

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

b) *Số lượng được mua ưu đãi*

- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (20/4/2017) của Công ty mẹ - Tổng công ty là 1.181 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên công tác: 1.158 người; 23 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm.
- Tổng số năm làm việc của lao động trong khu vực nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi dự kiến là: 10.051 năm;
- Tổng số cổ phần ưu đãi của 1.158 cán bộ công nhân viên đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước dự kiến: 1.005.100 cổ phần, chiếm 0,043% Vốn điều lệ.

2.2.2. *Chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên có trình độ cao***a) *Tiêu chí người lao động được mua thêm***

Người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty mẹ - Tổng công ty tại thời điểm ngày 20/4/2017 (thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - TCT), người lao động thuộc đối tượng có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, chuyên gia giỏi, các cấp quản lý được Tổng công ty thu hút, có nhu cầu sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) và tối đa 10 năm sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo nguyên tắc sau:

- (i) Người lao động thuộc đối tượng cần thiết phải thu hút, duy trì và làm việc lâu dài cho Tổng công ty: là các cấp quản lý, người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật cao: được mua 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần. Bao gồm:
 - Tại các Chi nhánh SXKD điện trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty (PV Power Cà Mau, PV Power Nhơn Trạch, PV Power Hà Tĩnh):
 - Người lao động đang đảm nhận các chức vụ Cán bộ quản lý từ cấp Phó phòng và tương đương trở lên;
 - Người lao động hiện giữ các chức danh Vận hành viên bảng điện, Máy tính điều khiển, Trưởng ca/Trưởng kíp, kỹ sư quản lý kỹ thuật của các Nhà máy điện;
 - Tại Cơ quan Tổng công ty:
 - Người lao động đang đảm nhận các chức vụ Cán bộ quản lý từ cấp Phó Trưởng ban và tương đương trở lên;

- Người lao động hiện giữ bậc lương chức danh từ 7,6 trở lên (tương đương chuyên viên nhóm 2) theo Quy chế trả lương của Công ty mẹ - Tổng công ty tại Quyết định số 524/QĐ-HĐTV-ĐLĐK ngày 24/5/2016.
- Tại Chi nhánh TCT – Công ty Nhập khẩu & Phân phối Than Điện lực Dầu khí (PV Power Coal):
 - Người lao động đang đảm nhận các chức vụ Cán bộ quản lý từ cấp Phó phòng và tương đương trở lên;
 - Người lao động hiện giữ bậc lương chức danh từ 7,6 trở lên theo Quy chế trả lương của PV Power Coal tại Quyết định số 409/QĐ-HĐTV-ĐLĐK ngày 16/6/2015.
- (ii) Người lao động thuộc các đối tượng còn lại: Được mua 200 cổ phần/01 năm cam kết tiếp tục làm việc trong Công ty mẹ - Tổng công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần.

Điều kiện đối với số cổ phần ưu đãi mua thêm

- Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo một mức xác định.
- Số cổ phiếu ưu đãi người lao động mua thêm được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.
- Trường hợp công ty cổ phần thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.
- Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

b) *Giá bán*

- Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm (a) trên được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

c) *Số lượng được mua*

- Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty mẹ - Tổng công ty có tên trong danh sách lao động tại thời điểm 20/4/2017 là 1.181 người;

- Tổng số lao động đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi: 1.074 người
- Tổng số cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần là: 1.752.300 cổ phần, chiếm 0,075% vốn điều lệ.

d) Thủ tục đăng ký mua thêm:

Đối với việc mua cổ phần ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc cho Công ty mẹ - Tổng công ty sau khi cổ phần hóa:

- Người lao động phải ký cam kết làm việc lâu dài cho Công ty mẹ - Tổng công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).
- Đối với người lao động cam kết làm việc lâu dài cho Công ty từ đủ 03 năm trở lên: Căn cứ vào số năm cam kết làm việc tiếp cho Tổng công ty sau khi cổ phần hóa, chính sách ưu đãi mua thêm quy định tại mục 2.2.2 này và tùy thuộc khả năng tài chính của mình, người lao động thực hiện đăng ký số lượng cổ phần được mua ưu đãi.
- Đối với người lao động không cam kết làm việc lâu dài cho Công ty từ đủ 03 năm trở lên: Không được mua cổ phần ưu đãi.

2.2.3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Người lao động thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông báo của PV Power.

2.2.4. Tổng hợp phương án phát hành cho người lao động

Bảng 33: Tổng hợp phương án phát hành cho người lao động

T T	Đối tượng	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ/ VDL
1	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên công tác	1.005.100	10.051.000.000	0,043%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo cam kết làm việc tiếp cho công ty cổ phần	1.752.300	17.523.000.000	0,075%
	Tổng cộng	2.757.400	27.574.000.000	0,118%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

2.2.5. Thời gian dự kiến triển khai

Từ kết quả bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài công chúng thành công, PV Power tiến hành bán

cổ phần và thu tiền mua cổ phần của người lao động đã đăng ký mua.

Lịch trình dự kiến như sau:

Bảng 34: Lộ trình dự kiến phát hành cổ phiếu cho người lao động

Nội dung công việc	Thời gian dự kiến (ngày)
Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hoá	T
Thời điểm bán đầu giá	T + 60
Thu tiền mua cổ phần của người lao động	T + 80
Chốt danh sách người lao động chính thức mua cổ phần và báo cáo kết quả lên các cấp có thẩm quyền	T + 90

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

Lưu ý: thời gian triển khai các giai đoạn sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế của từng giai đoạn.

2.3. Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

2.3.1. Quan điểm và tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược

Quan điểm xây dựng tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược của PV Power

- Phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật: Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược tối thiểu phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện quy định theo pháp luật Việt Nam (Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần quy định);
- Đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn của PV Power.

Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược

- Nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính tốt và có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng có mua cổ phần phải có lãi, không có lỗ lũy kế;
- Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần, hỗ trợ PV Power trong một hoặc một số lĩnh vực mà PV Power đang hoạt động;
- Cam kết không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Ưu tiên Nhà đầu tư là các tổ chức có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực năng lượng hoặc kỹ thuật công nghệ liên quan đến sản xuất kinh doanh điện năng (sản xuất điện, cung cấp than, cung cấp nhiên liệu LNG, bảo trì bảo dưỡng, EPC, OEM...) hoặc nhà đầu tư có năng lực thu xếp tài chính, có khả năng hỗ trợ PV Power thu xếp vốn đầu tư các dự án điện trong tương lai;
- Ưu tiên các nhà đầu tư cam kết biểu quyết chấp thuận nhận chuyển giao các nhà máy điện do PVN đầu tư xây dựng (nếu có) cho PV Power theo hình thức phù hợp quy định của pháp luật tại thời điểm nhận chuyển giao.
- Có nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký với mức bồi thường xác định theo thiệt hại thực tế và quyền định đoạt của nhà nước đối với toàn bộ số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược mua khi vi phạm các cam kết đã ký.

2.3.2. Phương án phát hành cho NĐT chiến lược

a) Đối tượng phát hành:

Là các nhà đầu tư thỏa mãn các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phương thức phát hành và giá bán:

▪ Về phương thức bán

Theo khoản 5(b) Điều 6 Mục II Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011: *Trên cơ sở danh sách các NĐT chiến lược đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn được cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần hóa xây dựng phương án và tổ chức bán cổ phần cho các NĐT chiến lược theo các nguyên tắc:*

- *Trường hợp có tối đa 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, nếu số cổ phần đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho NĐT chiến lược thì phải tổ chức đấu giá giữa các NĐT chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành; nếu số cổ phần NĐT chiến lược đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán ra cho NĐT chiến lược thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa tiến hành thỏa thuận về số cổ phần bán ra, giá bán cổ phần, báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt hoặc quyết định theo ủy quyền của cơ quan quyết định cổ phần hóa.*
- *Trường hợp có trên 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần thì Ban chỉ đạo CPH tổ chức đấu giá giữa các NĐT chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành.*

▪ Về giá bán

Theo Điều 5 khoản 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính quy định, giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:

- *Trường hợp bán cho các NĐT chiến lược trước khi thực hiện bán đấu giá công khai: Giá*

bán cổ phần cho NĐT chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá NĐT chiến lược đặt mua được xác định là giá trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các NĐT chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các NĐT chiến lược) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.

- *Trường hợp bán cổ phần cho NĐT chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán cổ phần cho NĐT chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá NĐT chiến lược đặt mua được xác định là giá trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các NĐT chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các NĐT chiến lược) nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.*

Trường hợp thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược từ thời điểm Nghị định 126/2017/ND-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/ND-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

c) Thời hạn hoàn thành bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ. Trong trường hợp việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược có vướng mắc, không thể hoàn thành trong 3 tháng theo quy định, Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

d) Số lượng chào bán

Số lượng chào bán cho nhà đầu tư chiến lược là 676.385.364 cổ phần, giá trị theo mệnh giá là 6.763.853.640.000 đồng tương đương 28,882% vốn điều lệ.

e) Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Nhà đầu tư chiến lược thanh toán tiền mua cổ phần theo nội dung trong Hợp đồng mua/bán cổ phần giữa các bên.

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA

Bảng 36: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Giá trị sổ sách vốn nhà nước tại PV Power tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015	23.418.715.917.565	
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	33.556.542.680.659	

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
3	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	23.418.716.000.000	Theo phương án đề xuất không điều chỉnh sổ sách
3.1	Vốn nhà nước tại công ty cổ phần	11.943.545.160.000	Dự kiến là 51% VDL
3.2	Vốn CBCNV nắm giữ	27.574.000.000	Phần mua ưu đãi theo thâm niên công tác trong khu vực Nhà nước và mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài, dự kiến chiếm 0,118%
3.3	Vốn nhà đầu tư khác nắm giữ	11.447.596.840.000	Nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư tham gia mua đấu giá, chiếm 48,882% VDL
4	Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần	14.400	Theo phương án đề xuất không điều chỉnh sổ sách
5	Tiền thu từ cổ phần hoá (5= 5.1 + 5.2 + 5.3 + 5.4)	16.518.456.633.600	Tạm tính giá đấu thành công thấp nhất là giá khởi điểm
5.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước	8.684.064.000	60% giá đấu thành công thấp nhất.
5.2	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài, chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao	25.233.120.000	Giá đấu thành công thấp nhất
5.3	Thu từ bán cổ phần đấu giá ra bên ngoài	6.744.590.208.000	Dự tính theo giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần
5.4	Thu từ bán cổ phần cho NĐTCL	9.739.949.241.600	Dự tính theo giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần
6	Chi phí hỗ trợ lao động dôi dư	-	
7	Chi phí CPH đơn vị thực hiện	9.350.000.000	
8	Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (7) = (5) - (6) - (7)	16.509.106.633.600	

Nguồn: Phương án cổ phần hóa PV Power

4. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA

Khi đăng ký bán đấu giá cổ phần lần đầu qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Tổng công ty sẽ đồng thời thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Trong trường hợp Tổng công ty đủ điều kiện để niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, Tổng công ty sẽ thực hiện thủ tục niêm yết ngay khi đạt đủ điều kiện theo quy định.

5. CÁC BÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

5.1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Ông Đinh Văn Sơn: Thành viên Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Trưởng ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua.

5.2. Đại diện Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Xuân Hòa: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi cam kết tất cả thông tin và số liệu liên quan đến Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam trong Bản công bố thông tin này là trung thực, chính xác và đầy đủ với tình hình thực tế của doanh nghiệp và theo đúng quy định của pháp luật về cổ phần hóa.

5.3. Đại diện Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Ông Nguyễn Quang Bảo: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt

(Giấy Ủy quyền số 07/2015/QĐ.VCSC ngày 01/07/2015 về việc ủy quyền Phó tổng giám đốc ký thay Tổng giám đốc)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Tổ chức tư vấn lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với PV Power. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do PV Power cung cấp.

PHẦN 6: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án cổ phần hóa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các thông tin, số liệu do Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam cung cấp theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng.


Chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị cổ phiếu. Nhà đầu tư khi đầu tư phải tự đưa ra ý kiến và tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Do đó, nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Bản công bố thông tin này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có thắc mắc, tranh chấp phát sinh thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị tham chiếu.

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2017

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

Thành viên Hội đồng Thành viên



 TẬP ĐOÀN

 DẦU KHÍ

 VIỆT NAM

Đinh Văn Sơn

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

 TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

 - CÔNG TY TNHH MTV



 TỔNG

 CÔNG TY

 ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

 VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Hòa

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI *Ch*



Nguyễn Quang Bảo